

LỜI MỞ ĐẦU

Kế toán luôn gắn liền với nền sản xuất xã hội, nó là một công cụ không thể thiếu được trong công việc điều hành và quản lý kinh tế vĩ mô. Trong nền kinh tế thị trường, mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì phải có những phương án sản xuất và chiến lược kinh doanh có hiệu quả. Để làm được điều đó, các doanh nghiệp phải luôn cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm các yếu tố đầu vào, hạ giá thành sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu (NVL), công cụ dụng cụ (CCDC) thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá thành sản phẩm. Do đó việc hạch toán nguyên vật liệu luôn được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đúng sẽ giúp cho doanh nghiệp cung cấp vật liệu, công cụ dụng cụ một cách kịp thời, đầy đủ, đồng thời kiểm tra và giám sát chặt chẽ việc chấp hành các định mức dự trữ tiêu hao vật liệu, đảm bảo sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tiết kiệm có hiệu quả, hạ giá thành sản phẩm, đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

Với kiến thức được trang bị trong thời gian học tập tại trường cùng với sự nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp, em đã chọn đề tài: "**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ**" để viết khoá luận tốt nghiệp.

Nội dung chính của bài khoá luận được trình bày gồm ba phần:

- *Chương I: Một số lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.*
- *Chương II: Thực tế tổ chức công tác kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng- Xí nghiệp xây dựng số 4.*
- *Chương III: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty.*

Do thời gian có hạn và còn hạn chế về mặt lý luận cũng như kinh nghiệm thực tế nên bài khoá luận của em còn những thiếu sót về mặt nội dung và hình thức. Em mong được sự góp ý của thầy cô và các anh chị kế toán ở Công ty cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng - Xí nghiệp xây dựng số 4 để khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp!

CHƯƠNG I:

MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP.

1. Những vấn đề chung về nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp:

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ.

1.1.1.1. Khái niệm:

Theo chuẩn mực kế toán số 02 thì hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường
- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang
- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ

Nguyên vật liệu là: một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản xuất sản phẩm.

Công cụ dụng cụ là: một bộ phận của hàng tồn kho, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với Tài sản cố định. Vì vậy công cụ dụng cụ được quản lý và hạch toán như nguyên liệu, vật liệu.

1.1.1.2. Đặc điểm:

- *Đặc điểm của nguyên liệu, vật liệu:*

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp mang những đặc điểm sau:

- Tham gia vào một chu kỳ sản xuất chế tạo sản phẩm và cung cấp dịch vụ.
- Khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên liệu, vật liệu thay đổi hoàn toàn hình thái vật chất ban đầu và giá trị được chuyển toàn bộ, một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Thông thường trong cấu tạo của giá thành sản phẩm thì chi phí về nguyên liệu chiếm tỷ trọng khá lớn nên việc sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích và đúng kế hoạch nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

➤ *Đặc điểm của công cụ dụng cụ:*

- Tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất chế tạo sản phẩm và cung cấp dịch vụ.
- Khi tham gia vào quá trình sản xuất vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu, giá trị bị hao mòn dần được dịch chuyển từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Công cụ dụng cụ thường có giá trị nhỏ hoặc thời gian sử dụng ngắn được quản lý và hạch toán như tài sản lưu động.

1.1.2. Vị trí, vai trò của nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ trong sản xuất kinh doanh:

Nguyên liệu vật liệu - Công cụ dụng cụ chiếm vị trí hết sức quan trọng bởi nó là đối tượng lao động và là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm. Đối với doanh nghiệp sản xuất thì chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là đối tượng không thể thiếu, nó giữ vai trò quyết định trong quá trình sản xuất sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí sản xuất sản phẩm và có ảnh hưởng không nhỏ tới sự biến động của giá thành.

Do vậy tăng cường công tác quản lý, công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả tiết kiệm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có ý nghĩa quan trọng trong các doanh nghiệp nói chung.

1.1.3. Yêu cầu của công tác quản lý NVL - CCDC trong doanh nghiệp.

Bất cứ một nền kinh tế nào cũng chịu sự tác động của hai quy luật: Quy luật khan hiếm tài nguyên và quy luật nhu cầu không ngừng tăng lên, từ hai quy luật đó dẫn đến sự tồn tại của quy luật sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trong nền kinh tế sx sản xuất hàng hoá việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu là một yêu cầu tối ưu hoá quá trình sử dụng nguyên vật liệu nhằm đạt được những hiệu quả kinh tế cao nhất. Thực chất của nó là sử dụng đúng công dụng, mục đích, đảm bảo đúng định mức tiêu hao vật liệu cho từng chi tiết, sản phẩm tránh mất mát, hao hụt, giảm tới mức thấp nhất phế liệu, phế phẩm đồng thời tổ chức công tác tận thu phế liệu. Để làm được điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải quản lý tốt từ khâu thu mua, bảo quản sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Ở khâu thu mua: Quá trình thu mua phải đáp ứng đủ số lượng, đúng chủng loại phẩm chất tốt, giá cả hợp lý, giảm thiểu hao hụt và tìm nguồn thu mua phù hợp. Đồng thời phải quan tâm đến chi phí thu mua nhằm hạ thấp chi phí vật liệu một cách tối đa.

Ở khâu bảo quản: Doanh nghiệp cần phải xác định mức dự trữ tối đa, dự trữ tối thiểu để cho quá trình sản xuất kinh doanh không bị ngưng trệ, gián đoạn do cung cấp không kịp thời hoặc ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

Ở khâu sử dụng: Doanh nghiệp cần phải sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đúng mục đích, thông dụng, tiết kiệm, hạ thấp mức tiêu hao, không ngừng tìm kiếm vật liệu mới thay thế, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất vì những tiến bộ khoa học kỹ thuật cho phép ta luôn có những vật liệu mới thay thế, có tính năng ưu việt hơn so với những vật liệu cũ nhưng vẫn đảm bảo chất lượng tốt. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết

kiểm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng thu nhập và tích lũy cho doanh nghiệp. Vì vậy, tình hình xuất dùng và sử dụng NVL - CCDC trong sản xuất kinh doanh cần phải được phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời.

1.1.4. Nhiệm vụ, thủ tục quản lý nhập - xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và các chứng từ kế toán liên quan.

1.1.4.1. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Để phát huy vai trò, chức năng của kế toán trong công tác quản lý, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời và kiểm tra chặt chẽ tình hình cung cấp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại và thời gian cung cấp.

- Tính toán và phân bổ chính xác kịp thời giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng cho các đối tượng khác nhau, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao vật tư, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng vật tư sai mục đích, lãng phí.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện định mức dự trữ vật tư, phát hiện kịp thời các loại ứ đọng kém phẩm chất, chưa cần dùng và có biện pháp giải phóng để thu hồi vốn nhanh chóng hạn chế các thiệt hại

- Thực hiện việc kiểm kê vật liệu theo yêu cầu quản lý, lập các báo cáo về vật liệu, tham gia công tác phân tích việc thực hiện kế hoạch thu mua dự trữ sử dụng vật liệu.

1.1.4.2. Thủ tục quản lý nhập - xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và các chứng từ kế toán liên quan:

- *Thủ tục nhập kho:*

Căn cứ vào giấy báo nhận hàng, nếu xét thấy cần thiết khi hàng về đến nơi, có thể lập ban kiểm nhận vật tư thu mua cả về số lượng, chất lượng, quy cách.

Khoá luận tốt nghiệp

Ban kiểm nhận căn cứ vào kết quả thực tế ghi vào biên bản kiểm nghiệm vật tư. Sau đó, bộ phận cung ứng sẽ lập phiếu nhập kho vật tư trên cơ sở hoá đơn, giấy báo nhận hàng và biên bản kiểm nhận rồi giao cho thủ kho. Thủ kho sẽ ghi số vật liệu thực nhập vào phiếu nhập và thẻ kho rồi chuyển lên phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ. Trường hợp phát hiện thiếu, thừa, sai quy cách phẩm chất, thủ kho phải báo cáo cho cán bộ cung ứng biết và từng người giao lập biên bản.

- Thủ tục xuất kho:

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, các bộ phận sản xuất viết phiếu xin lãnh vật tư. Căn cứ vào phiếu xin lãnh vật tư kế toán viết phiếu xuất kho. Căn cứ vào phiếu xuất kho, thủ tục xuất vật tư và ghi vào phiếu xuất, số thực xuất ghi vào thẻ kho. Sau khi ghi xong vào thẻ kho, thủ kho chuyển chứng từ cho phòng kế toán để ghi sổ.

- Các chứng từ kế toán có liên quan:

Chứng từ kế toán sử dụng được quy định theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo QĐ số 1141/TC/CĐKT ngày 1/11/1995 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các quyết định khác có liên quan bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 - VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu số 08 - VT)
- Hoá đơn bán hàng
- Hoá đơn GTGT

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước, tùy thuộc vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp, kế toán có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán hướng dẫn như:

- Phiếu xuất vật tư theo hạn mức (Mẫu số 04 - VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư (Mẫu số 05 - VT)

- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu số 07 - VT)

1.1.5. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

1.1.5.1. Phân loại nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ:

○ ***Phân loại nguyên liệu, vật liệu.***

Nguyên vật liệu sử dụng trong doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, có công dụng khác nhau, được sử dụng ở nhiều bộ phận khác nhau. Mỗi loại có vai trò, công dụng, tính chất lý, hoá học khác nhau đối với quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm. Do vậy để thống nhất trong công tác quản lý nguyên vật liệu, kế toán tiến hành phân loại chúng theo những tiêu thức sau:

➤ Căn cứ vào vai trò, công dụng của nguyên vật liệu: nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên liệu, vật liệu chính: là đối tượng cấu thành nên thực thể sản phẩm. Các doanh nghiệp khác nhau thì sử dụng nguyên vật liệu chính không giống nhau.

- Nguyên liệu, vật liệu phụ: là những loại vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng phụ có thể làm tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc đảm bảo cho các công cụ, dụng cụ hoạt động bình thường.

- Nhiên liệu: là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Phụ tùng thay thế: là những loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn.

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: gồm những loại vật liệu, thiết bị, công cụ, vật kết cấu dùng cho công tác xây dựng cơ bản.

Cách phân loại này là cơ sở để xác định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

➤ Căn cứ vào mục đích sử dụng: nguyên vật liệu được chia thành: + Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

Khoá luận tốt nghiệp

- Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.
- Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận giao bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.
- + Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:
 - Nhượng bán
 - Đem góp vốn liên doanh
 - Đem biếu tặng
- Căn cứ vào nguồn hình thành: nguyên vật liệu được chia thành:
 - Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài: do mua ngoài, nhận vốn góp liên doanh, nhận biếu tặng.
 - Nguyên vật liệu tự chế: do doanh nghiệp tự sản xuất.Cách phân loại này làm căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất, là cơ sở để xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

○ ***Phân loại công cụ dụng cụ:***

Đối với công cụ dụng cụ được chia thành 3 loại sau:

- Công cụ dụng cụ
- Bao bì, luân chuyển
- Đồ dùng cho thuê

Theo quy định hiện hành những tư liệu lao động sau không phân biệt giá trị và thời gian sử dụng vẫn được coi là công cụ dụng cụ:

- Các loại bao bì dùng để đựng vật liệu hàng hoá trong quá trình thu mua và bảo quản tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá.
- Những dụng cụ đồ nghề bằng thuỷ tinh, sành, sứ
- Quần áo giày dép chuyên dụng để làm việc
- Các lán trại tạm thời, giàn giáo dụng cụ trong ngành xây dựng cơ bản
- Phương tiện quản lý, đồ dùng văn phòng.

1.1.5.2. Đánh giá nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ:

○ ***Các nguyên tắc chi phối đến đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:***

Đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là dùng thước đo tiền tệ biểu hiện giá trị của chúng theo những nguyên tắc nhất định. Có 3 nguyên tắc chi phối đến việc đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ :

- Nguyên tắc giá gốc (còn gọi là giá phí, giá thành, giá lịch sử) :

Tất cả các loại tài sản và hàng tồn kho ở doanh nghiệp được phản ánh trong sổ kế toán và báo cáo tài chính được ghi chép theo giá gốc. Giá gốc bao gồm tất cả các chi phí bình thường và hợp lý mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản và sẵn sàng đưa vào sử dụng.

- Nguyên tắc nhất quán :

Nguyên tắc này đòi hỏi doanh nghiệp phải sử dụng phương pháp kế toán thống nhất trong suốt niên độ kế toán.

- Nguyên tắc thận trọng :

Nguyên tắc này đòi hỏi doanh nghiệp phải phản ánh đúng giá trị tài sản, các nghiệp vụ làm tăng doanh thu và tăng vốn chỉ được ghi khi có chứng cứ chắc chắn (có chứng từ), chi phí và các khoản làm giảm doanh thu, vốn chủ sở hữu phải được ghi chép ngay dù chưa có chứng từ chắc chắn. Trên bảng cân đối kế toán, hàng tồn kho phải được phản ánh theo giá trị có thể thực hiện được của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ giảm do vật liệu, công cụ bị hư hỏng, kém hoặc mất phẩm chất...thì đơn vị phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

○ ***Đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo giá vốn thực tế.***

➤ Giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho :

Tùy theo từng nguồn nhập mà giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho được xác định như sau:

Khoá luận tốt nghiệp

* Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua ngoài:

Giá gốc NL, VL và CCDC mua ngoài nhập kho	Giá mua = ghi trên hoá đơn	Các loại thuế không được hoàn loại	Chi phí có liên quan + trực tiếp đến việc mua hàng	Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng qui cách, phẩm chất
-------------------------------------------------------	----------------------------------------	------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------

Trong đó:

- Chi phí thu mua bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm, chi phí thuê kho bãi, tiền phạt, chi phí mở L/C và các chi phí dịch vụ ngân hàng cho các thương vụ mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ từ các nguồn nhập khẩu hay trong nước.
- Giá mua được xác định theo 2 trường hợp:

Đối với cơ sở SXKD thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá NVL, CCDC mua vào là giá mua thực tế không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Đối với cơ sở SXKD không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và cơ sở SXKD không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì giá trị vật liệu mua vào là tổng giá thanh toán phải trả cho người bán (bao gồm thuế GTGT đầu vào).

* Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ do doanh nghiệp tự gia công chế biến:

Giá thực tế NVL nhập kho = Giá trị NVL xuất kho tự gia công chế biến + Chi phí tự gia công chế biến

* Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thuê ngoài gia công, chế biến:

Giá gốc NL, VL và CCDC nhập kho thuê ngoài gia công = Giá gốc NVL, CCDC xuất kho + Tiền thuê chế biến + Chi phí vận chuyển bốc dỡ

Khoá luận tốt nghiệp

* Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhận từ vốn góp liên doanh: Giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho là giá do Hội đồng định giá đánh giá lại và được chấp nhận.

* Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được biếu tặng: Giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho là giá thực tế được xác định theo thời giá trên thị trường.

➤ Giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho:

Tùy theo hoạt động của doanh nghiệp cũng như yêu cầu của nhà quản lý cán bộ kế toán có thể sử dụng một trong các phương pháp sau:

* **Phương pháp giá bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp này giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng trong kỳ được tính theo công thức:

$$\text{Giá thực tế NVL, CCDC xuất dùng} = \frac{\text{Số lượng NVL, CCDC xuất dùng}}{\text{CCDC xuất dùng}} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

Trong đó giá đơn vị bình quân có thể được tính theo một trong hai cách sau:

Cách 1:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá thực tế NVL, CCDC tồn + nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế NVL, CCDC tồn + nhập kho trong kỳ}}$$

Cách 2:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế NVL, CCDC trước + sau từng đợt nhập}}{\text{Số lượng thực tế NVL, CCDC trước + sau từng đợt nhập}}$$

Ưu điểm: Phương pháp này đơn giản, dễ làm.

Nhược điểm: theo phương pháp này chỉ đến cuối kỳ mới xác định được đơn giá bình quân gia quyền vì vậy ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư, hàng hóa khi nhập kho.

*** Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):**

Theo phương pháp này thì số hàng nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Cơ sở của phương pháp này là giá thực tế của hàng mua trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế hàng xuất do vậy giá thực tế hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào sau cùng.

Ưu điểm: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm, thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều, phương pháp này cho phép kế toán có thể tính giá NVL xuất kho kịp thời.

Nhược điểm: Phương pháp này làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những chi phí hiện tại, vì doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị của vật tư, hàng hoá đã được mua từ cách đó rất lâu.

*** Phương pháp nhập sau xuất trước(LIFO)**

Phương pháp này, số hàng nào nhập sau thì xuất trước và trị giá hàng xuất kho tính theo giá thực tế của những lô hàng mới nhập hiện có trong kho. Trị giá của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo số lượng hàng tồn kho và đơn giá của những lô hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Ưu điểm: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp đơn giá thực tế vật liệu nhập kho trong từng lần tăng dần, đảm bảo thu hồi vốn nhanh và tồn kho ít.

Nhược điểm: Chất lượng của công tác tính giá phụ thuộc và sự ổn định của giá cả vật liệu. Trong trường hợp giá cả của vật liệu biến động mạnh vì việc xuất theo phương pháp này sẽ mất tính chính xác và sẽ gây bất hợp lý.

*** Phương pháp thực tế đích danh.**

Giá trị thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho tính theo giá thực tế của từng lô hàng nhập. Áp dụng đối với doanh nghiệp sử dụng ít thứ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có giá trị lớn và có thể nhận diện được.

Ưu điểm: công tác tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá vật liệu, dụng cụ xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô NVL- CCDC.

- Đây là phương pháp có thể coi là lý tưởng nhất, nó tuân thủ theo nguyên tắc phù hợp của hạch toán kế toán. Chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế.

Nhược điểm: áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe chỉ có thể áp dụng được khi hàng tồn kho có thể phân biệt, chia tách ra thành từng loại, từng thứ riêng lẻ.

o ***Đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo giá hạch toán:***

Giá hạch toán là giá quy định thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp và được sử dụng ổn định trong một thời gian dài, giá hạch toán của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có thể là giá mua thực tế, giá kế hoạch, giá bán buôn,...

Giá hạch toán được sử dụng để hạch toán chi tiết hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, làm giảm nhẹ công tác tính toán và tăng cường công tác kiểm tra của kế toán trong khâu thu mua, vận chuyển, bảo quản khi sử dụng giá hạch toán để hạch toán chi tiết hàng ngày thì cuối kỳ phải tính chuyển giá hạch toán thành giá thực tế để ghi sổ kế toán tổng hợp.

Cuối kỳ kế toán sẽ tiến hành điều chỉnh từ giá hạch toán sang giá thực tế thông qua hệ số giá:

$$\text{Hệ số chênh lệch giá} = \frac{\text{Giá thực tế NVL, CCDC tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế NVL, CCDC nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán NVL, CCDC tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán NVL, CCDC nhập kho trong kỳ}}$$

$$\text{Giá thực tế NVL, CCDC xuất kho} = \frac{\text{Giá hạch toán NVL, CCDC xuất kho}}{\text{Giá hạch toán NVL, CCDC xuất kho}} \times \text{Hệ số chênh lệch giá}$$

Hệ số giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có thể tính theo từng nhóm hay từng thứ vật liệu và việc áp dụng phương pháp tính toán cần phải nhất quán trong các niên độ kế toán.

- *Ưu điểm*: phản ánh kịp thời biến động của giá trị các loại nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, giảm nhẹ công tác tính toán đặc biệt đối với doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu.

- *Nhược điểm*: việc sử dụng giá hạch toán để phản ánh vật liệu chỉ được dùng trong hạch toán chi tiết vật liệu và chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1.2. Hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp:

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Tuỳ thuộc vào điều kiện của từng doanh nghiệp mà có thể lựa chọn vận dụng một trong các phương pháp sau:

1. Phương pháp thẻ song song:

Nội dung của phương pháp ghi thẻ song song:

- *Tại kho*: Thủ kho sử dụng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về mặt số lượng. Thẻ kho do phòng kế toán lập và lập cho từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Sau ghi đã ghi đầy đủ các yếu tố của phần: tên, nhãn hiệu, quy cách, danh điểm, định mức dự trữ...kế toán giao cho thủ kho.

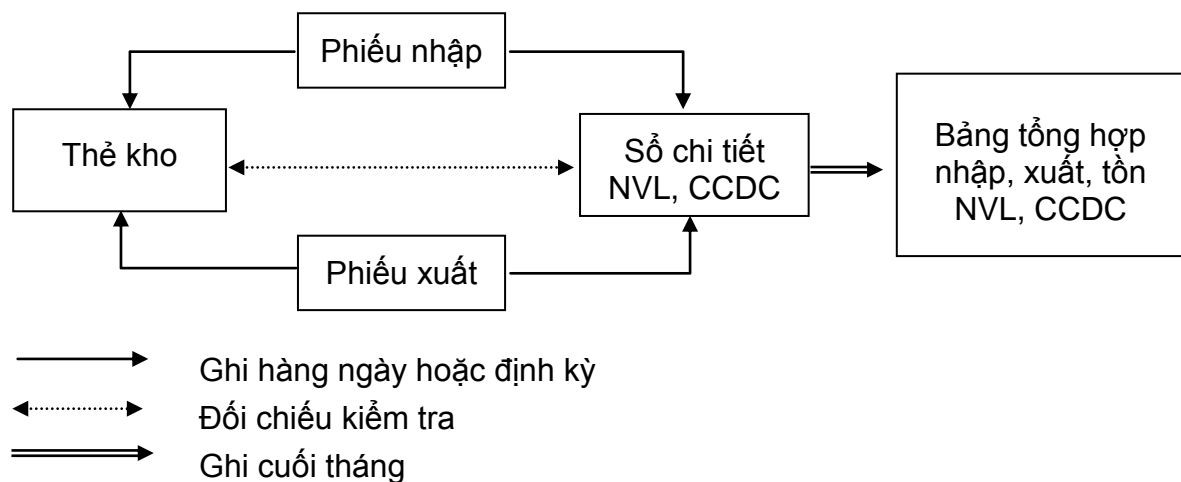
Thẻ kho phải được sắp xếp theo từng loại, từng nhóm và từng thứ tự để tiện cho việc quản lý.

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của từng chứng từ rồi thực hiện việc nhập, xuất và ghi số thực nhập, thực xuất vào chứng từ. Cuối ngày phân loại chứng từ rồi tính ra số tồn kho và ghi vào thẻ kho, lập phiếu giao nhận chứng từ và luân chuyển cho phòng kế toán.

Khoá luận tốt nghiệp

- *Tại phòng kế toán:* Kế toán NVL- CCDC sử dụng sổ chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại vật liệu cả về mặt số lượng lẫn giá trị. Sổ chi tiết được mở cho từng loại nguyên vật liệu. Khi nhận được các chứng từ nhập- xuất nguyên vật liệu do thủ kho gửi đến, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ và hoàn chỉnh chứng từ sau đó kế toán phân loại chứng từ và ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu tính ra số tồn kho cuối ngày. Cuối tháng, kế toán và thủ kho tiến hành đối chiếu số liệu trên thẻ kho với sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Ngoài ra kế toán chi tiết còn phải lập bảng tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn để đối chiếu với kế toán tổng hợp.
- *Ưu điểm:* Ghi chép đơn giản, dễ hiểu, dễ kiểm tra, đối chiếu với số liệu và phát hiện sai sót. Đồng thời đảm bảo độ tin cậy cao của thông tin kế toán.
- *Nhược điểm :* Ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu, số lượng. Mặt khác, việc kiểm tra đối chiếu thường tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế chức năng của kế toán.
- *Phạm vi áp dụng:* Đối với doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, khối lượng nghiệp vụ xuất ít, không thường xuyên, trình độ kế toán hạn chế.

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp thẻ song song



2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

- *Tại kho:* Thủ kho mở thẻ kho cho từng danh điểm vật tư và ghi theo chỉ tiêu số lượng tương tự như phương pháp ghi thẻ song song.

- *Tại phòng kế toán:* kế toán NVL sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép phản ánh tổng hợp số NVL luân chuyển trong tháng và số tồn kho cuối tháng của chỉ tiêu số lượng và số tiền. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở và được dùng cho cả năm, mỗi thứ NVL được ghi một dòng trong sổ và ghi một lần vào cuối tháng.

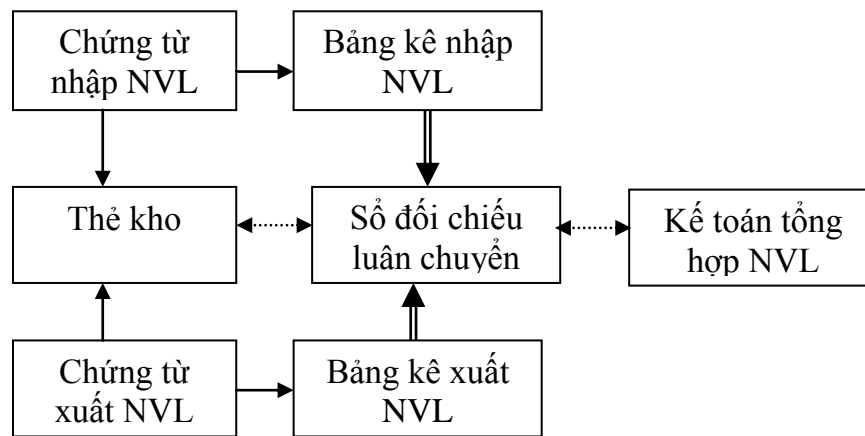
Cuối kỳ trên cơ sở phân loại chứng từ nhập xuất theo từng danh điểm NVL và từng kho kế toán lập bảng kê nhập vật liệu, bảng kê xuất vật liệu, và dựa vào bảng kê này để ghi theo số lượng và giá trị vào sổ đối chiếu luân chuyển. Dòng cộng cuối kỳ của sổ đối chiếu luân chuyển được đối chiếu với số liệu kế toán tổng hợp vật liệu (Sổ Cái)

-*Ưu điểm:* khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối kỳ.

- *Nhược điểm:* phương pháp này vẫn còn ghi sổ trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng; việc kiểm tra, đối chiếu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

- *Phạm vi áp dụng:* thích hợp với các doanh nghiệp có chủng loại NVL ít, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày; phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

Sơ đồ 1.2: Trình tự kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng
 \longleftrightarrow Đối chiếu, kiểm tra

3. Phương pháp sổ số dư:

- *Tại kho:* Thủ kho vẫn mở thẻ kho để theo dõi tình hình biến động của từng danh điểm vật tư theo chỉ tiêu số lượng (tương tự như phương pháp ghi thẻ song song). Cuối tháng, thủ kho căn cứ vào số lượng tồn trên từng thẻ kho ghi vào sổ số dư cột số lượng, mỗi một danh điểm vật tư được ghi một dòng trên sổ số dư. Sau đó gửi sổ số dư về phòng kế toán.

- *Tại phòng kế toán:* Định kỳ kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho vào thẻ kho, ký xác nhận vào thẻ kho, sau đó mang chứng từ nhập - xuất về phòng phân loại chứng từ để vào sổ giao nhận chứng từ nhập, sổ giao nhận chứng từ xuất. Cuối tháng căn cứ vào sổ giao nhận chứng từ nhập - xuất để vào bảng tổng hợp lũy kế nhập - xuất - tồn kho. cột giá trị trên bảng lũy kế nhập - xuất - tồn kho trên sổ số dư cho từng nhóm từng kho vật liệu tương ứng.

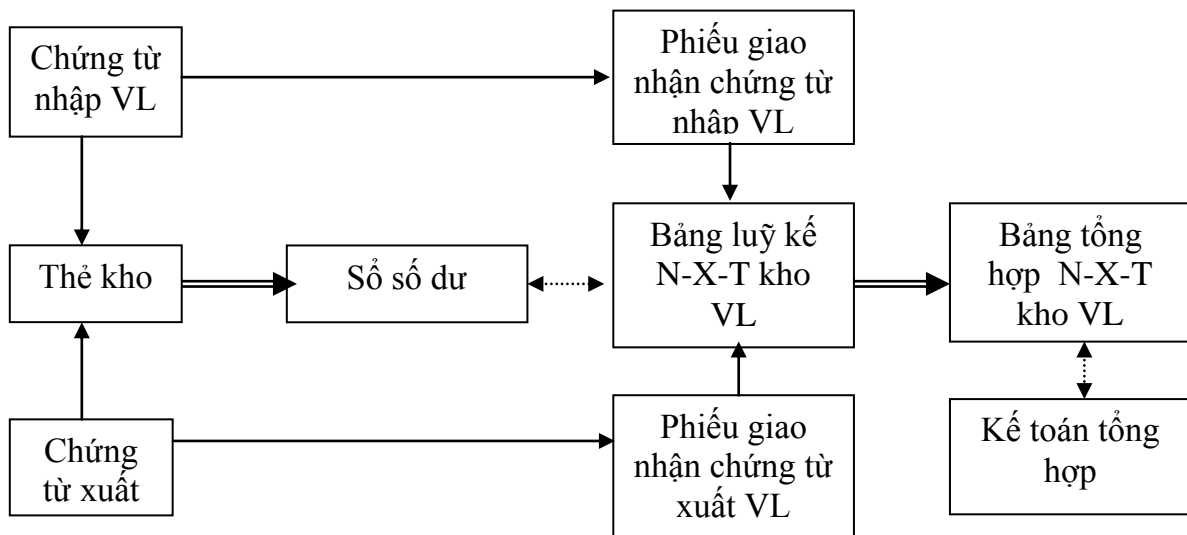
- *Ưu điểm:* tránh được việc ghi chép trùng lặp về chỉ tiêu số lượng và dẫn đến công việc ghi sổ trong kỳ, nên không bị dồn vào cuối kỳ.

Khoá luận tốt nghiệp

- *Nhược điểm:* việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán phức tạp hơn. Ngoài ra, kế toán muốn biết được lượng tồn của từng danh điểm vật tư ở từng thời điểm khác nhau bắt buộc phải xuống kho xem thẻ kho mới xác định được.

- *Điều kiện áp dụng:* phương pháp này áp dụng thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm NVL và đồng thời số lượng chứng từ nhập xuất của mỗi loại khá nhiều.

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp sổ số dư.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←.....> Đối chiếu, kiểm tra

1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp:

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên

- *Đặc điểm của phương pháp kê khai thường xuyên:*

- Định nghĩa: Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp phản ánh, ghi chép thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình Nhập- Xuất- Tồn kho các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá... trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp dựa trên các chứng từ nhập, xuất. Theo phương pháp này, các tài khoản hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của các loại hàng tồn kho. Vì vậy, giá trị hàng tồn kho có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào.

- Ưu điểm: theo dõi được thường xuyên, liên tục tình hình Nhập- Xuất- Tồn theo các chứng từ nên việc xác định giá vốn của nguyên vật liệu được chính xác.

- Nhược điểm: đối với nguyên vật liệu công kênh, điều kiện cân, đo, đong , đếm không được chính xác thì giá trị sản xuất theo chứng từ kế toán nhiều khi xa rời với giá vốn thực tế làm cho công việc kế toán vốn nhiều công sức, phức tạp, phải điều chỉnh giữa số liệu kiểm kê và số liệu tính toán.

○ ***Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên:***

➤ Tài khoản sử dụng:

* Tài khoản 152: Nguyên liệu - vật liệu

- Tài khoản này được dùng để theo dõi giá trị hiện có, tình hình tăng giảm của nguyên vật liệu theo giá thực tế, có thể mở chi tiết theo từng loại nhóm,tuỳ theo yêu cầu quản lý và phương tiện tính toán.

- Kết cấu của tài khoản 152:

+ Bên Nợ: phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm tăng giá trị thực tế của nguyên vật liệu trong kỳ (mua ngoài, nguyên vật liệu tự gia công chế biến, nhận vốn góp, phát hiện thừa, đánh giá tăng....)

+ Bên Có: phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm giảm nguyên vật liệu trong kỳ theo giá thực tế (xuất dùng, xuất bán, đánh giá giảm phát hiện thiếu,....)

+ Dư Nợ: Giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn kho

* Tài khoản 153: Công cụ dụng cụ

- Giống như TK 152, TK 153 cũng được theo dõi giá trị hiện có, tình hình tăng, giảm của các loại công cụ dụng cụ.

- Kết cấu TK 153:

+ Bên Nợ: phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm tăng giá trị thực tế của công cụ dụng cụ trong kỳ (mua ngoài, phát hiện thừa....)

+ Bên Có: phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm giảm giá trị thực tế của công cụ dụng cụ trong kỳ (xuất dùng, xuất bán, phát hiện thiếu....)

+ Dư Nợ: Giá thực tế công cụ dụng cụ tồn kho

* Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường

- Tài khoản này dùng theo dõi các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá.... mà doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng cuối tháng chưa về nhập kho (kể cả số gửi kho người bán)

- Kết cấu TK 151:

+ Bên Nợ: phản ánh giá trị hàng đi đường tăng

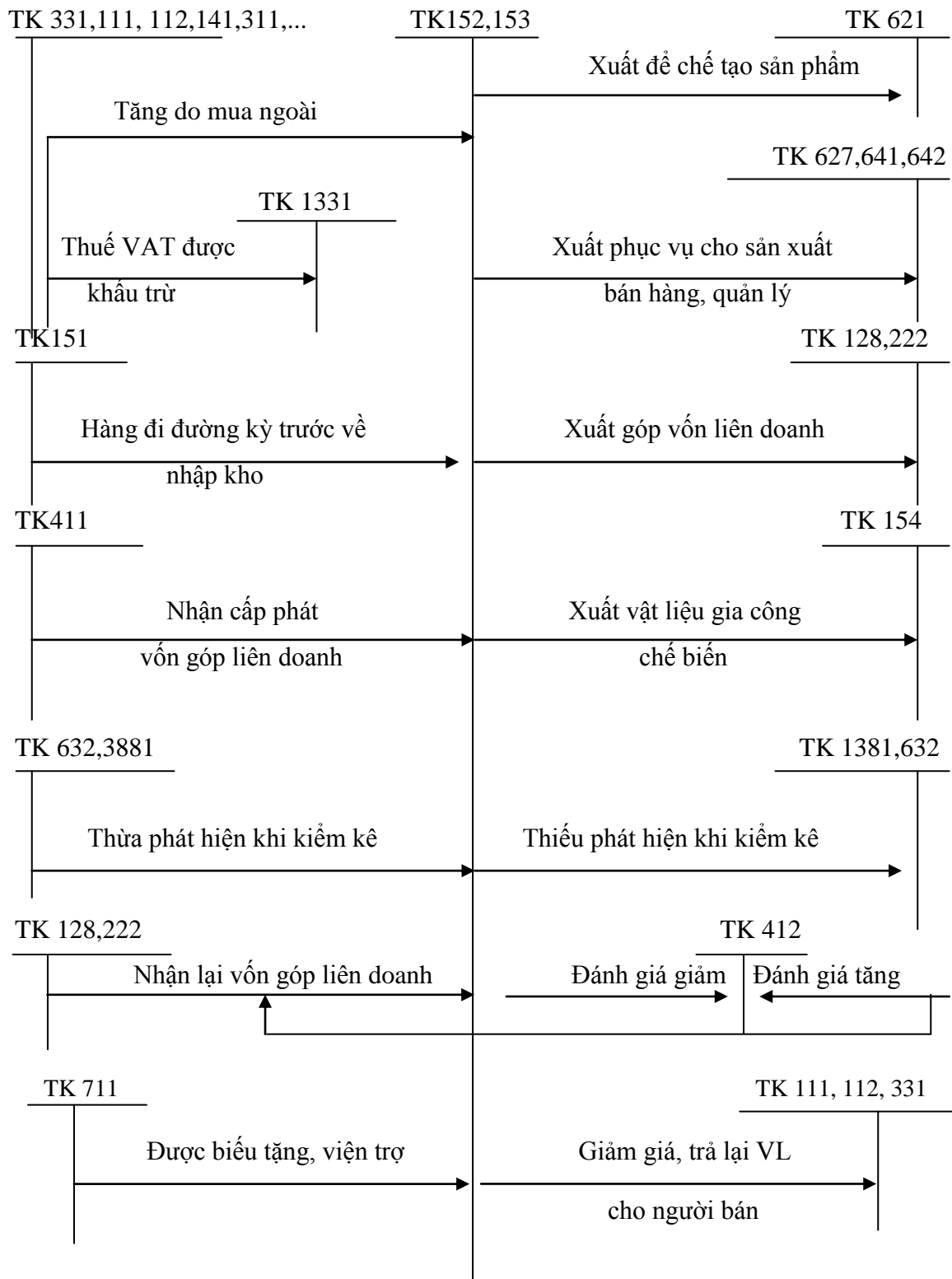
+ Bên Có: phản ánh giá trị hàng đi đường kỳ trước đã nhập kho hay chuyển giao cho các bộ phận sử dụng hoặc giao cho khách hàng.

+ Dư Có: Giá trị hàng đi đường (đầu và cuối kỳ)

Ngoài ra còn sử dụng một số tài khoản khác như TK 133, 111, 112, 331,...

➤ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên.



1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

○ ***Đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ:***

- Định nghĩa:

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán tổng hợp. Từ đó tính ra giá trị vật tư, hàng hoá xuất kho trong kỳ theo công thức

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} \\ \text{xuất} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập trong kỳ} & - & \text{tồn cuối kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư, hàng hoá nhập kho, xuất kho không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho mà được theo dõi trên một tài khoản riêng là Tài khoản 611 “mua hàng”.

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hoá sẽ được tiến hành vào cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị hàng tồn kho thực tế làm căn cứ ghi sổ kế toán của các tài khoản hàng tồn kho, đồng thời căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá tồn kho để xác định giá trị vật tư, hàng hoá xuất kho trong kỳ làm căn cứ để ghi sổ kế toán Tài khoản 611

- Ưu điểm: việc ghi chép đơn giản, gọn nhẹ do không phải đối chiếu giữa số liệu kế toán và số lượng kiểm kê mà số liệu kế toán luôn khớp với thực tế.
- Nhược điểm: trên tài khoản tổng hợp không thể hiện rõ giá trị vật liệu xuất dùng(hoặc xuất bán)

Khoá luận tốt nghiệp

○ **Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

➤ **Tài khoản sử dụng:**

* Tài khoản 611: Mua hàng

+ Bên Nợ: phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

+ Bên Có: phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng, thiếu hụt và tồn kho cuối kỳ.

Tài khoản 611(1) cuối kỳ không có số dư và thường được mở chi tiết theo từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

* Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường

+ Bên Nợ: Giá thực tế hàng đang đi đường cuối kỳ

+ Bên Có: Kết chuyển giá thực tế hàng đang đi đường cuối kỳ

+ Dư Nợ: Giá thực tế hàng đang đi đường

* Tài khoản 152: Nguyên liệu, vật liệu:

+ Bên Nợ: Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ (kết chuyển từ TK 611 sang)

+ Bên Có: Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (kết chuyển từ TK 611 sang)

+ Dư Nợ: Giá thực tế vật liệu tồn kho cuối kỳ

* Tài khoản 153: Công cụ dụng cụ

+ Bên Nợ: Giá thực tế công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ

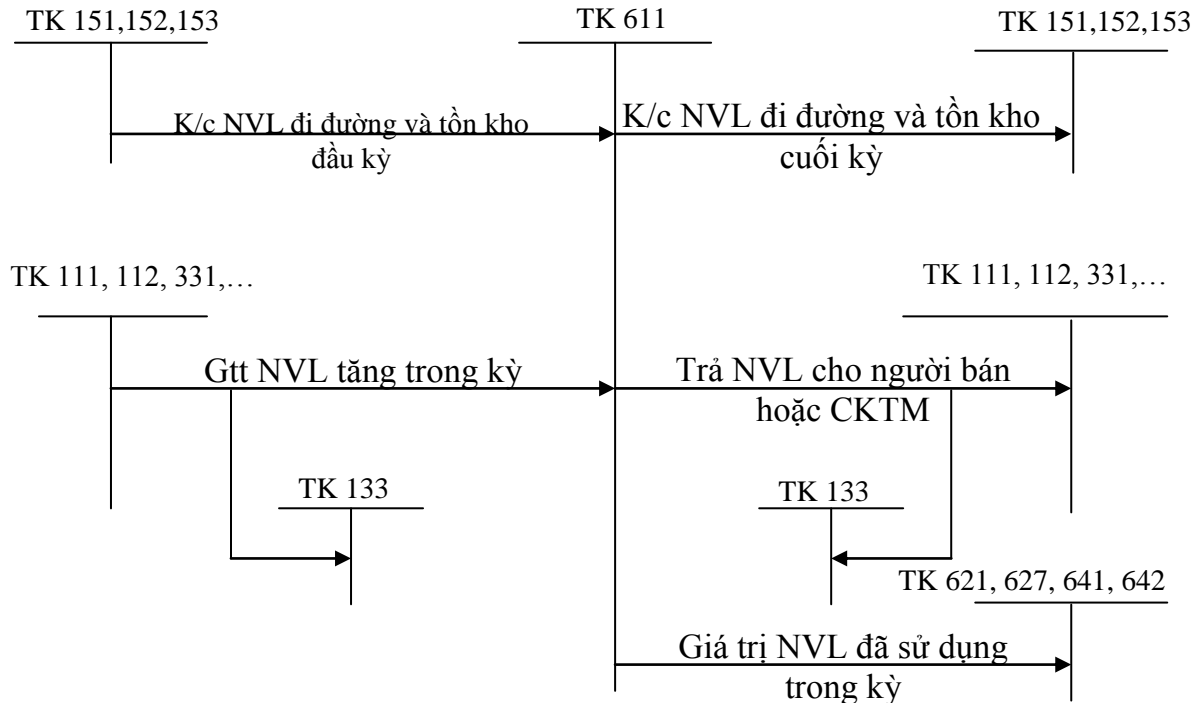
+ Bên Có: Kết chuyển giá thực tế công cụ dụng cụ tồn đầu kỳ

+ Dư Nợ: Giá thực tế công cụ dụng cụ tồn kho

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như TK 133, 331, 111, 112,

➤ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.2.3. Hình thức tổ chức sổ kế toán:

Theo QĐ số 15/2006/ QĐ- BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/03/ 2006, các Doanh nghiệp sử dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

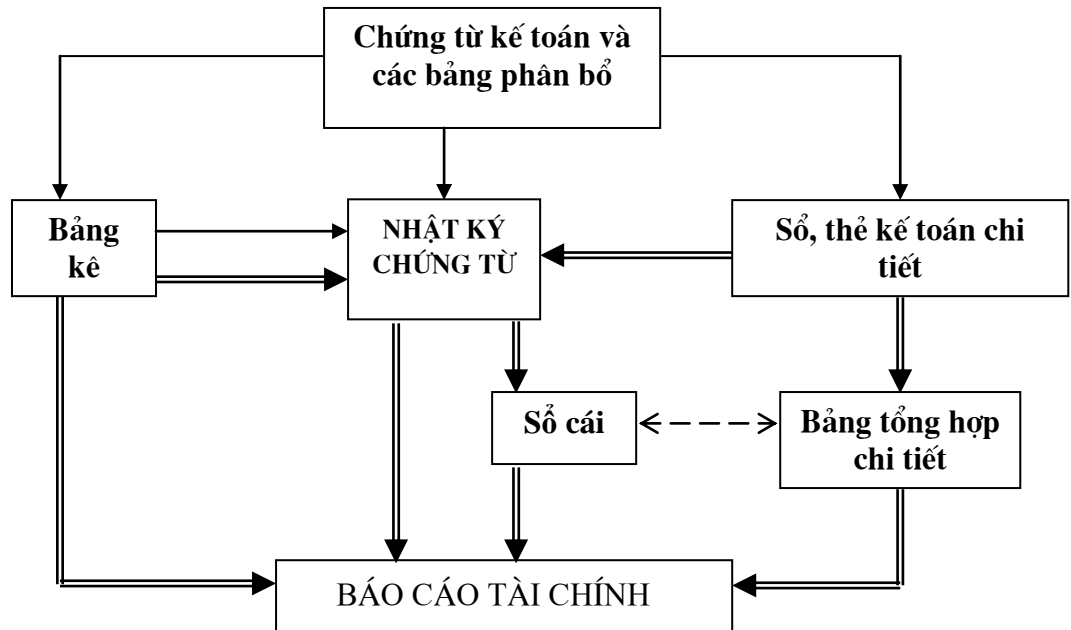
Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - Chứng từ

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ Cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi hàng tháng
- ↔ : Đối chiếu, kiểm tra.

5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

CHƯƠNG II
TÌNH HÌNH THỰC TẾ VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU,
CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT
TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG – XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 4.

2.1. Đặc điểm chung ở công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Đầu tư Hải Phòng.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

- Tên công ty:

Công ty cổ phần Xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng- XN Xây dựng số 4
Haiphong Construction and Development Investment joint stock corporation
(CDI).

- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần:

- Ngành nghề kinh doanh :- Nhận thầu Xây dựng
- kinh doanh xây dựng

- Trụ sở chính:

Số 5- đường Lạch Tray – Ngô Quyền- Hải Phòng.

Điện thoại: (84 -31) 3947030- 3832156 /Fax: (84- 31) 3846963

- Email: CDI [-5Lachtray@hn.vnn.vn](mailto:CDI-5Lachtray@hn.vnn.vn)

- Số tài khoản: 321.10.00.000294 tại Ngân Hàng đầu tư và PT Hải Phòng

- Mã số thuế: 02001553397.

Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải phòng (gọi tắt là CDI) trước đây là doanh nghiệp nhà nước được thành lập từ năm 1992. Nay chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 408/QĐ- UB ngày 10/ 03/ 2005 của UBND thành phố Hải Phòng và hoạt động theo đăng ký kinh doanh số 0203001346 do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp ngày 01/ 04/ 2005. Công ty cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng là doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, trực thuộc UBND thành phố Hải Phòng.

Quá trình hoạt động vừa qua, công ty CDI đã tham gia đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước nói chung và của thành phố Hải Phòng thông qua hàng trăm công trình đã được xây dựng và hàng chục dự án đầu tư phát triển nhà ở và đô thị. Trong đó, có nhiều công trình phẩm đã được tặng thưởng Huy chương vàng chất lượng cao của ngành xây dựng Việt Nam. Với những đóng góp của mình, công ty CDI đã được chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam phong tặng Huân chương Lao động hạng III- năm 1996. Ngày nay với đội ngũ nhân viên năng động và chuyên nghiệp, công ty CDI luôn hướng tới nhu cầu thị trường với mục tiêu: Năng suất, chất lượng và hiệu

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm:

- Công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng cơ sở
- Trang trí nội thất công trình
- Dịch vụ tư vấn thiết kế
- Dịch vụ mua bán nhà ở

2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn, thành tích đạt được phương hướng phát triển.

2.1.3.1. Những thuận lợi của công ty

Công ty CP Xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng là một nhà thầu xây dựng chuyên nghiệp và là nhà thầu đầu tư có uy tín trên thị trường Hải Phòng cũng như trên cả nước với đội ngũ cán bộ công nhân viên, kỹ thuật viên được đào tạo chuyên nghiệp, năng động có tinh thần và ý thức trách nhiệm trong công việc.

Là một doanh nghiệp được ra đời từ sớm, tạo được uy tín nhờ chất lượng công trình cũng như chất lượng dịch vụ nên công ty sớm khẳng định được thương hiệu của mình và không ngừng mở rộng thị trường sản phẩm cũng như thị trường tiêu thụ bởi các sản phẩm chất lượng cao.

Luôn nhận được sự hỗ trợ giúp đỡ của thành phố, cơ quan khác đã giúp doanh nghiệp mở rộng thêm thị trường và tạo điều kiện hoàn thành tốt nhiệm

vụ của mình tham gia đóng góp vào sự phát triển chung của thành phố và của đất nước.

2.1.3.2.. Những khó khăn của công ty

Khó khăn của công ty là thiếu vốn để đầu tư khi tham gia đấu thầu những công trình yêu cầu vốn lớn. Vấn đề này dẫn đến khó khăn trong việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại cũng là vấn đề khó khăn trong việc ra quyết định áp dụng những trang thiết bị phù hợp với nhu cầu và nguồn vốn của công ty.

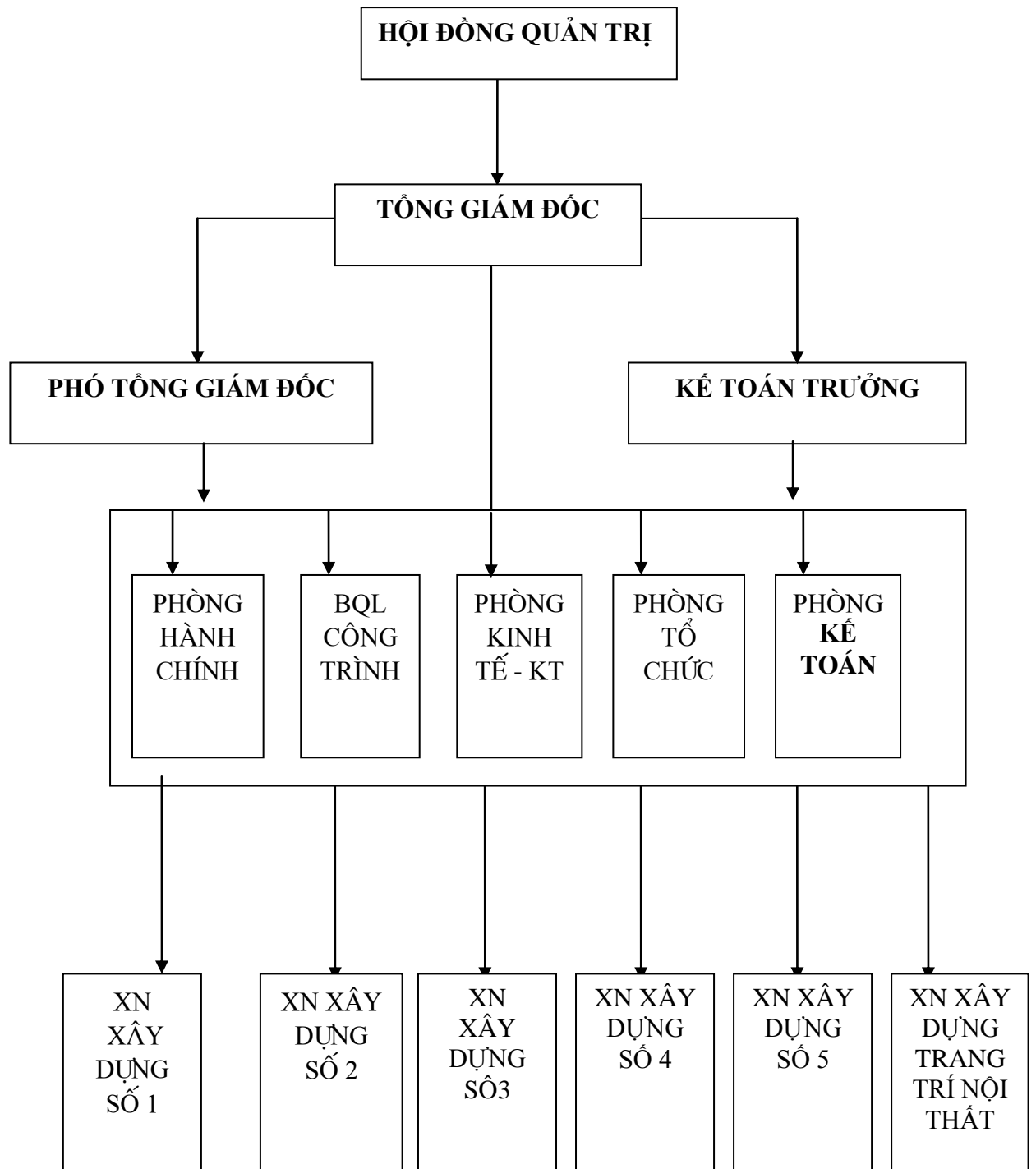
2.1.3.3. Những thành tích Công ty đã đạt được

Công ty đã tham gia xây dựng nhiều công trình trong đó có nhiều công trình sản phẩm đã được tặng thưởng huy chương vàng chất lượng cao của ngành xây dựng Việt Nam. Tiêu biểu như : Công trình XD trụ sở UBND thành phố Hải Phòng, công trình XD nhà điều hành công ty May Hai Hải Phòng, công trình xây dựng Showroom Toyota Hải Phòng, công trình Khu đô thị Cự Viên, công trình Khu nhà ở Trần Nguyên Hãn Hải Phòng....

Công ty Cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng đã được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam phong tặng Huân chương lao động hạng III năm 1996, Huy chương vàng chất lượng cao ngành xây dựng năm 1995 công trình “Trụ sở Bảo hiểm xã hội Quảng Ninh”, Huy chương vàng chất lượng cao ngành xây dựng Việt Nam năm 2000 Công trình “ Trụ sở Bảo hiểm xã hội Hải Phòng ”, Huy chương vàng chất lượng cao ngành xây dựng Việt Nam năm 2002 công trình Khu nhà ở Cát Bi Hải Phòng, Huy chương vàng hội chợ triển lãm bất động sản năm 2004 mẫu Chung cư cao tầng.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty:

Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng-Xí nghiệp Xây dựng số 4 theo sơ đồ 2.1



Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ tổ chức công ty CP xây dựng & Phát triển đầu tư Hải Phòng

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty.

- Tổng giám đốc (Kiêm chủ tịch hội đồng quản trị) : Là người đại diện cho công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty, là người nắm quyền hành cao nhất trong công ty, có quyền ra quyết định về các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phó Tổng giám đốc : Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về những công việc được giao nhiệm vụ, giúp Tổng giám đốc điều hành các hoạt động hàng ngày.

- Phòng hành chính : Trực tiếp quản lý tài sản của công ty, mua sắm trang thiết bị văn phòng, quản lý chi phí hành chính và con dấu của Công ty.

- Ban quản lý công trình : Tổ chức quản lý dự án của Công ty, tham gia thẩm định kinh tế, kỹ thuật thanh quyết toán công trình do Công ty đầu tư.

- Phòng kinh tế - kỹ thuật : Lập kế hoạch SXKD hàng năm, nghiên cứu thị trường, giải quyết thủ tục đầu tư, giao dịch hợp tác kinh tế trong nước và quốc tế. Đảm nhận công tác sáng kiến kỹ thuật, cải tiến quản lý doanh nghiệp.

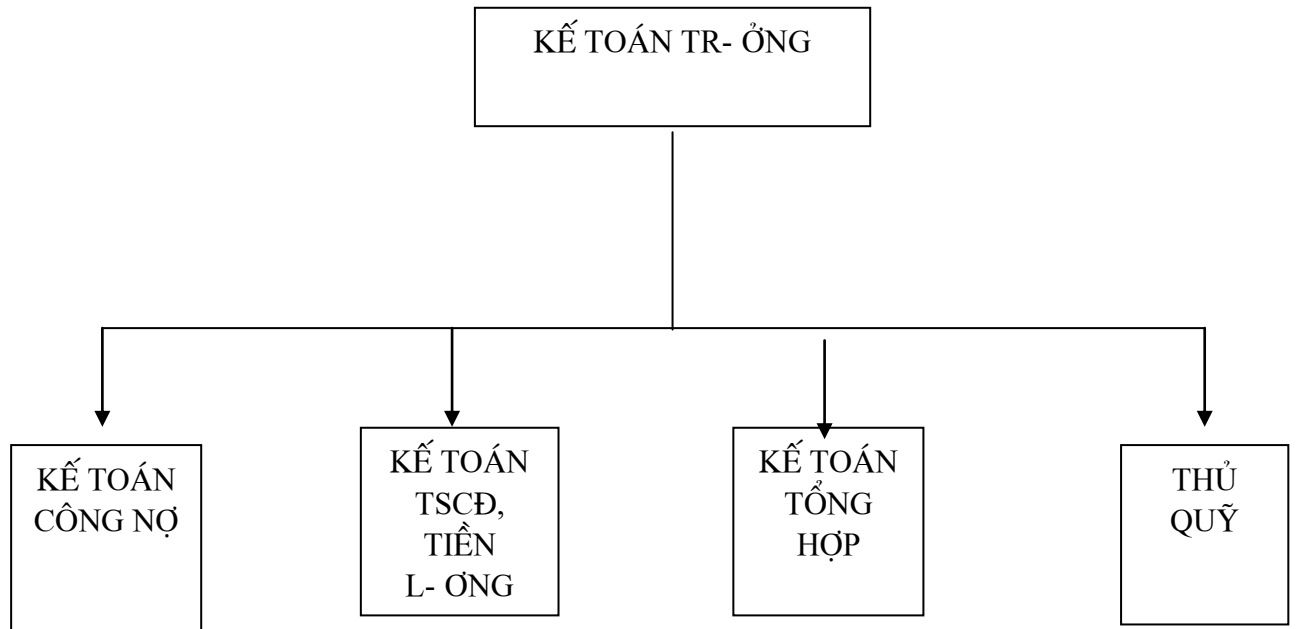
- Phòng kế toán : Thực hiện công tác nghiệp vụ hạch toán kế toán tài chính của doanh nghiệp, tổ chức khai thác nguồn vốn, quản lý lưu trữ hồ sơ kế toán chứng từ sổ sách, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý tài chính - kế toán, kiểm tra giám sát thực hiện chế độ, chính sách và các quy định của Nhà nước với các đơn vị thành viên.

- Phòng tổ chức : Thực hiện công tác nghiệp vụ quản lý nhân sự, lao động. Tổ chức tuyển dụng lao động theo yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và sự chỉ đạo của Tổng Giám Đốc. Tổ chức lực lượng bảo vệ công ty đảm bảo trật tự an ninh đối với tài sản của doanh nghiệp.

2.1.5. Đặc điểm Tổ chức kế toán tại Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư HP- Xí nghiệp Xây dựng Số 4.

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Công tác kế toán do phòng kế toán đảm nhận, các nhân viên trong phòng có trách nhiệm thực hiện công tác nghiệp vụ hạch toán kế toán tài chính, lập báo cáo kế toán phân tích thông tin đề xuất phương án.



Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ cơ cấu bộ máy kế toán công ty CP XD & Phát triển đầu tư Hải Phòng

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung bao gồm 1 kế toán trưởng, 3 kế toán viên và 1 thủ quỹ. Với mô hình quản lý tập trung này tạo điều kiện cho việc kiểm tra, giám sát của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của Ban giám đốc Công ty với toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty.

***) Kế toán trưởng**

Là người phụ trách công tác kế toán cho công ty, tham mưu cho giám đốc đề xuất các biện pháp tài chính hiệu quả. Bên cạnh đó kế toán trưởng phải theo dõi các nghĩa vụ với nhà nước và chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về số liệu kế toán của công ty.

***) Kế toán công nợ**

Theo dõi các khoản nợ phải thu, phải trả và tình hình thanh toán khoản phải thu của người nhận thầu về khối lượng xây dựng đã hoàn thành, thanh toán các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp

***) Kế toán TSCĐ và tiền lương**

Phụ trách công việc tính lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty, trích các khoản theo quy định đối với từng các bộ công nhân viên. Theo dõi TSCĐ của công ty, trích khấu hao và xác định giá trị còn lại của từng tài sản.

***) Kế toán tổng hợp**

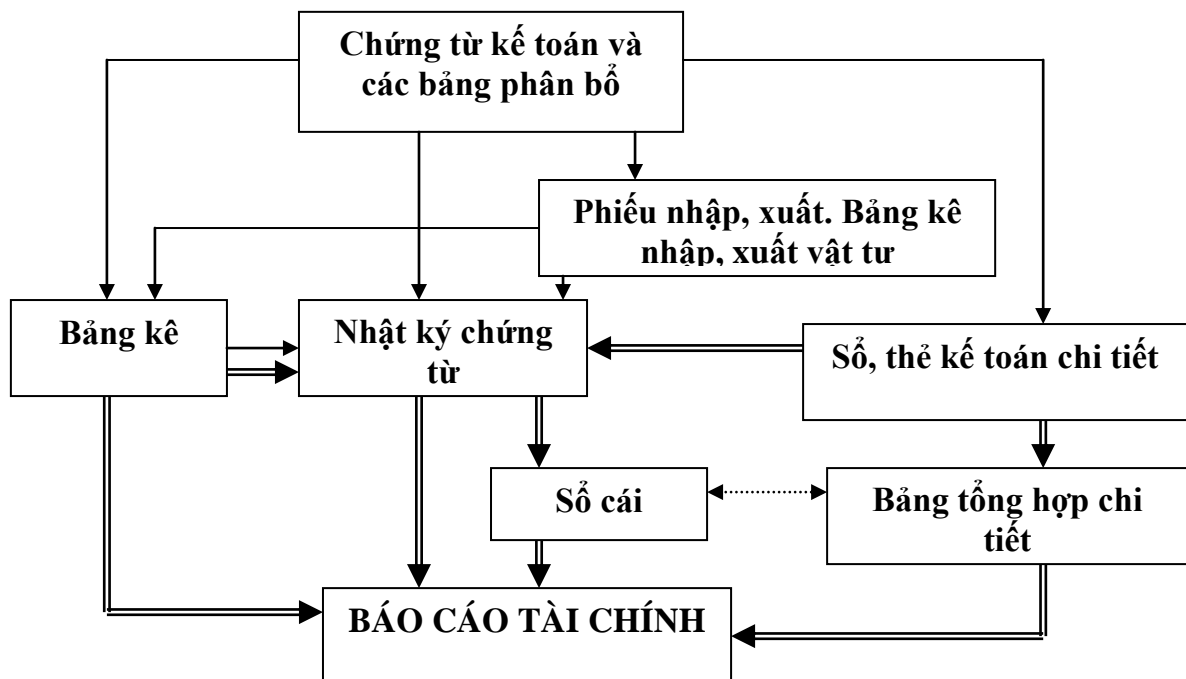
Bao quát tất cả các số liệu về giá thành, tiền mặt, NVL, doanh thu... để có thể cung cấp các số liệu cho kế toán trưởng chính xác và kịp thời.

***) Thủ quỹ**

Có nhiệm vụ thu chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu chi, giấy đề nghị thanh toán, tạm ứng và lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.5.2 .Hình thức kế toán.

Công ty hạch toán kế toán theo hình thức **Nhật ký - Chứng từ**



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức NKCT

Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
⇒ : Ghi hàng tháng
← - → : Đối chiếu, kiểm tra.

2.2. Thực tế tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng- Xí nghiệp xây dựng số 4.

2.2.1. Khái quát chung về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty:

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng – Xí nghiệp xây dựng số 4 hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng, xây lắp công trình nên những vật liệu được sử dụng trong sản xuất có các đặc thù riêng.

Để xây dựng các công trình lớn cần phải sử dụng một khối lượng lớn nguyên vật liệu, phong phú về chủng loại, đa dạng về chất lượng. Có các loại vật liệu là sản phẩm của ngành công nghiệp như : xi măng, xi măng trắng Hải Phòng, xi măng Hoàng Thạch,..., thép bao gồm thép trong nước, thép nhập khẩu với thép tròn, thép tấm, thép gai... các loại gạch.... Có những loại vật liệu là sản phẩm của ngành nông nghiệp như: gỗ, tre, nứa, để làm giàn giáo, cốt pha và các loại vật liệu khác.

Khối lượng các loại vật liệu sử dụng rất khác nhau, có những loại vật liệu cần khối lượng lớn như: xi măng, cát, gạch, thép, có những loại sử dụng ít như: đinh, ốc, các loại công cụ dụng cụ trong xí nghiệp gồm: găng tay, máy hàn...

Hầu hết các loại vật liệu sử dụng đều trực tiếp cấu thành nên thực thể công trình. Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí xây dựng. Qua đó thấy được vai trò quan trọng của nguyên vật liệu trong công nghiệp xây dựng.

2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được phân loại theo nội dung kinh tế và yêu cầu của kế toán quản trị như sau:

Nguyên vật liệu chính: là đối tượng lao động chủ yếu của công ty, là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên sản phẩm như: Sắt, thép, Inox...

Nguyên vật liệu phụ: là đối tượng lao động không cấu thành lên thực thể sản phẩm nhưng nó làm cho sản phẩm bền đẹp hơn cả về chất lượng lẫn hình thức, phục vụ cho nhu cầu công nghệ kỹ thuật như: dầu, mỡ, sơn...

Công cụ dụng cụ: là những tư liệu lao động không có đủ tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với TSCĐ như: mặt nạ hàn, các đũa giáo, vác khuôn...

Nhiên liệu: đó là vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất như: Xăng, dầu, chất đốt, than, gas...

Phụ tùng thay thế: là các loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải,...

Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: bao gồm những vật liệu, thiết bị, công cụ, khí cụ, vật liệu kết cấu dùng cho công tác Xây dựng cơ bản.

Vật liệu khác: Là những vật liệu ch- a đ- ợc xếp vào các loại kể trên th- ờng là vật liệu đ- ợc loại ra từ quá trình sản xuất hoặc phế liệu thu hồi từ việc thanh lý TSCĐ.

2.2.1.2. Đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Nguyên vật liệu tham gia vào giai đoạn đầu quá trình sản xuất kinh doanh để hình thành nên sản phẩm mới. Chúng rất đa dạng, phong phú về chủng loại, phức tạp về kỹ thuật. Trong mỗi quá trình sản xuất vật liệu không ngừng chuyển hoá, biến đổi về mặt giá trị.

-Về mặt hiện vật: Nó chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất và đ- ợc tiêu dùng toàn bộ không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu.

-Về mặt giá trị: Giá trị của nó đ- ợc chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá trị sản phẩm mới tạo ra.

Nguyên vật liệu là những sản phẩm vật chất tồn tại đ- ợc d- ới nhiều trạng thái khác nhau, phức tạp về đặc tính lý hoá học nên dễ dàng bị tác động của thời tiết, khí hậu môi tr- ờng xung quanh. Trong doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng số tài sản l- u động và trong tổng số chi phí sản xuất để tạo ra sản phẩm.

Khoá luận tốt nghiệp

Đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là dùng th- ớc đo tiền tệ biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những tiêu thức nhất định bảo đảm yêu cầu chân thực thống nhất.

- Đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho:

Hiện nay, công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng nguyên vật liệu nhập kho chủ yếu mua trong n- ớc. Nguyên vật liệu mua từ nhiều nguồn khác nhau, vào các thời điểm khác nhau nên giá mua, chi phí mua cũng khác nhau. Tại công ty đánh giá NVL, CCDC nhập kho theo phương pháp giá vốn thực tế.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí thu} & & \text{Các loại thuế} & & \text{Các khoản} \\ \text{vật liệu} & & \text{theo hoá} & & \text{mua thực tế} & & \text{không đ- ợc} & & \text{giảm giá} \\ \text{mua ngoài} & = & \text{đơn (ch- a} & + & & + & \text{hoàn lại (nếu} & - & \text{chiết khấu} \\ \text{nhập kho} & & \text{thuế} & & & & \text{có)} & & \text{(nếu có)} \\ & & \text{GTGT)} & & & & & & \end{array}$$

Ví dụ:

Ngày 30/05/2009 công ty mua 48 tấn Xi măng (giá mua chưa thuế GTGT 10%) 790.200đ/tấn . Chi phí vận chuyển vật liệu trên thực tế phát sinh là: 36.800/tấn .(Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).

$$\text{Trị giá vật liệu nhập kho : } 48 \times 790.200 + 48 \times 37.420 = 39.725.760$$

$$\text{Vậy trị giá xi măng nhập kho là: } 39.725.760\text{đ}$$

- Đánh giá nguyên vật liệu công cụ dụng cụ xuất kho:

Giá thực tế vật liệu xuất dùng cho thi công đ- ợc tính theo ph- ơng pháp nhập tr- ớc xuất tr- ớc (FIFO). Theo phương pháp này Nguyên vật liệu, Công cụ dụng cụ nào nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau, xuất nguyên vật liệu, công cụ của lần nhập nào thì lấy đơn giá của lần nhập đó . Phương pháp này giúp công tác hạch toán thống nhất theo trình tự thời gian, phù hợp với hình thức ghi sổ và đặc điểm ngành nghề kinh doanh của công ty, cho phép kế toán tính giá nguyên vật liệu, công cụ xuất kho một cách kịp thời, chính xác.

Ví dụ :

Theo đơn giá vật t- xi măng Hải Phòng ở chứng từ xuất kho số 109 ngày 26/ 06/2009. Xuất cho Trần Minh Lâm thi công xây dựng công trình, yêu cầu số l- ợng xuất là: 40.000kg. Theo chứng từ nhập kho 86 ngày 18/ 06/2009 xi măng Hải Phòng đ- ợc nhập theo giá 828,57đ/kg. Tồn đầu kỳ : 30.000kg; đơn giá 827,62đ/kg. Vậy thực tế xuất kho xi măng Hải Phòng đ- ợc tính nh- sau:

$$30.000\text{kg} \times 827,62 = 24.828.600$$

$$10.000\text{kg} \times 828,57 = 8.285.700$$

(Vậy trị giá xuất kho là: 33.114.300đ)

Tại công ty vật liệu xuất kho chủ yếu là dùng cho thi công các công trình. Nguyên vật liệu của công ty gồm nhiều chủng loại, việc xuất dùng diễn ra th- ờng xuyên trong ngành cho từng bộ phận sử dụng là các đội công trình. Việc xuất vật liệu đ- ợc căn cứ vào nhu cầu thi công và định mức tiêu hao nguyên vật liệu trên cơ sở các đơn đặt hàng đang đ- ợc ký kết. Sau khi có lệnh sản xuất của giám đốc, phòng kế hoạch tổ chức thực hiện tiến độ sản xuất, theo dõi sát sao tiến độ thi công các công tác công trình và tiến độ thực hiện các hợp đồng.

Sau khi đối chiếu khối l- ợng nguyên vật liệu trên phiếu xuất kho tại cột số l- ợng yêu cầu đối với khối l- ợng nguyên vật liệu thực tế có trong kho, thủ kho sẽ ghi vào phiếu xuất kho ở cột số l- ợng xuất và ký xác nhận. Sau đó thủ kho tiến hành xuất kho nguyên vật liệu.

2.2.2. Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải phòng:

2.2.2.1. Tổ chức chứng từ nhập kho

Các mẫu chứng từ th- ờng dùng:

Hoá đơn GTGT.

Phiếu nhập kho

Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá.

Tại công ty cổ phần Xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng vật liệu chủ yếu do mua ngoài. Căn cứ vào giấy báo nhận hàng, nếu xét thấy cần thiết, khi hàng về đến nơi, có thể lập ban kiểm nghiệm nhận vật liệu thu mua cả về số lượng, chất lượng, quy cách... Ban kiểm nghiệm căn cứ vào kết quả thực tế ghi vào “biên bản kiểm nhận vật tư”. Sau đó bộ phận cung ứng sẽ lập “phiếu nhập kho” vật tư trên cơ sở hóa đơn, giấy báo nhận hàng và biên bản kiểm nhận rồi giao cho phòng kinh doanh kí phiếu nhập kho rồi chuyển cho thủ kho. Thủ kho sẽ ghi số vật liệu thực nhập vào phiếu rồi chuyển cho phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ. Trường hợp phát hiện thừa thiếu, sai quy cách, thủ kho phải báo lại cho bộ phận cung ứng biết và cùng ng-ời giao lập biên bản. Nếu thấy số vật t- nhận đúng theo nội dung hợp đồng mua bán và hoá đơn thì thủ kho ký vào sổ cái chứng minh số vật liệu đã nhập, hoá đơn chuyển lên phòng kế toán, kế toán kiểm tra chứng từ để viết phiếu nhập kho, lập thành 3 liên:

Liên 1: L- u lại quyển gốc

Liên 2: Giao cho ng-ời giao hàng

Liên 3: L- u chuyển để ghi thẻ kho và sổ kế toán.

Sau đó kế toán ghi sổ và đ- a chứng từ vào chế độ bảo quản.

Ví dụ 1:

Ngày 18 tháng 06 Lương Hoàng Hải mua 54,4 tấn xi măng PCB 30 của công ty cổ phần Hải Đăng .

-Khi mua vật liệu công ty nhận đ- ợc hoá đơn

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

VT/2009B

Liên 2: Giao khách hàng

0052724

Ngày 18 tháng 06 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Hải Đăng

Địa chỉ: 52- Lê Lai Số tài khoản: Điện thoại: 031.3781705

MST:

Họ tên ng- ời mua hàng: **Lương Hoàng Hải**

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng.

Địa chỉ : Số 5- Lạch Tray- Ngô Quyền- Hải Phòng

Số tài khoản: 321.10.00.000294

Hình thức thanh toán : Tiền mặt MS: 2400327469

STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 x 2
1	Xi măng PCB 30	Tấn	54,4	790.476	43.001.894
2	Vận chuyển XM PCB 30	Tấn	54,4	38.095,2	2.072.378
Cộng tiền hàng:					45.074.272
Thuế suất GTGT: 5%				Tiền thuế GTGT :	2.253.728
Tổng cộng tiền thanh toán:					47.328.000
Số tiền viết bằng chữ: (Bốn mươi bảy triệu ba trăm hai tám ngàn đồng chẵn)					
Ng- ời mua hàng (Ký, ghi họ tên) Lương Hoàng Hải		Ng- ời bán hàng (Ký, ghi họ tên)		Thủ tr- ờng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi họ tên) Giáp Văn Hiền	

Khoá luận tốt nghiệp

Căn cứ vào Hoá đơn số 0052724 thủ kho xác định đơn giá, số lượng và lập phiếu nhập kho:

Biểu số 2.2

Đơn vị: Công ty CP Xây dựng và PTĐT Hải Phòng

Bộ phận:

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 18 tháng 06 năm 2009

Số: 86

Nợ: TK 152

Có: TK 331

Họ tên người giao hàng: Lương Hoàng Hải .

Địa chỉ: Công ty cổ phần Xây dựng và phát triển đầu tư Hải phòng

-Theo hoá đơn số: 0052724 Ngày 18 / 06 / 2009 của công ty CP Hải Đăng

-Nhập tại kho: Vật liệu.

STT	Tên quy cách sản phẩm hàng hóa	Đơn vị tính	Số l- ợng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực nhập		
1	Xi măng PCB30	Tấn	54,4	54,4	790.476	43.001.894
2	V/c XM PCB30	Tấn	54,4	54,4	38.095,2	2.072.378
	Cộng					45.074.272

Nhập, ngày 18 tháng 06 năm 2009

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)

Khoá luận tốt nghiệp

Ví dụ2:

Ngày 20/06/2009 Vũ Ph \square ong Liên mua nguyên vật liệu của công ty Cổ phần Thép và vật tư Hải Phòng

Khi mua hàng kế toán sẽ nhận đ- ợc hoá đơn.

Biểu số 2.3

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số:01GTKT-3LL
PE/2009B
0044728

Ngày 20 tháng 06 năm 2009

Đơn vị bán hàng : CTCP Thép và vật tư Hải Phòng

Địa chỉ: Km 92 đường 5 mới – Hải Phòng

Số tài khoản: 2046852712

Điện thoại:.....MST: 2400.300.058

Họ tên ng- ời mua hàng: Vũ Ph- ong Liên

Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 5- Lạch Tray - Ngô Quyền- Hải Phòng.

Số tài khoản: 321.10.00.000294

Hình thức thanh toán : Tiền Mặt. MS: 2400327469

STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 x 2
1	Thép ϕ 6 + ϕ 8	kg	590	7.300	4.307.000
2	Thép ϕ 10 + ϕ 16	kg	7.565	7.900	59.763.500
Cộng tiền hàng:					64.070.500
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT :		3.203.525	
Tổng cộng tiền thanh toán:					67.274.025
Số tiền viết bằng chữ: (sáu m- oi bảy triệu, hai trăm bảy m- oi t- nghìn, không trăm hai m- oi năm đồng).					
Ng- ời mua hàng (Ký, ghi họ tên) Vũ Ph- ong Liên		Ng- ời bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi họ tên) Lan		Thủ tr- ợng đơn vị (ký, đóng dấu họ tên) Giám đốc Hà Việt Sơn	

Khi hàng về tới kho, nhân viên thủ kho và kế toán tiến hành lập biên bản kiểm tra.

Biểu số 2.4

Công ty Cổ Phần Xây dựng và
Phát triển đầu tư Hải Phòng

Mẫu số: 03- VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 20 tháng 06 năm 2009

Căn cứ vào Số hóa đơn 0044728 ngày 20 tháng 06 năm 2009 của công ty Công ty cổ phần XD & PTĐT Hải Phòng giao theo hợp đồng số 230/HĐKT ngày 10 tháng 06 năm 2009.

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông : Nguyễn Việt Dũng: Đại diện phòng công tiêu-Tr- ởng ban

Ông :Trần văn Hà :Đại diện phòng kỹ thuật-Uỷ viên

Bà :Nguyễn Thị Chuyên :Đại diện thủ kho-Uỷ viên

Đã kiểm nghiệm các loại vật t- sau đây:

TT	Tên nhãn hiệu vật liệu	Đơn vị tính (kg)	Số l- ợng		Không đúng quy cách phẩm chất
			Theo chứng từ	Đúng quy cách phẩm chất	
1	Thép ϕ 6+ ϕ 8	kg	590	590	0
2	Thép ϕ 10+ ϕ 16	kg	7.565	7.565	0

Căn cứ vào hóa đơn và biên bản kiểm nghiệm vật t- số hàng thực tế đã về, phòng kỹ thuật vật t- viết phiếu nhập kho ngày 20/06/2009-Số Hoá đơn 0044728.Thủ kho xác định số l- ợng và đơn giá tiến hành nhập kho .

Biểu số 2.5

Đơn vị: Công ty CPXD & PTĐT HP

Địa chỉ: Số 5- Lạch Tray- Ngô Quyền

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 20 tháng 06 năm 2009 Số: 87

Nợ: TK 152

Có: TK 111

Họ tên người giao hàng: Vũ Phương Liên .

Địa chỉ : Công ty cổ phần Xây dựng và PTĐT Hải Phòng - Theo hoá đơn số 0044728 Ngày 20 / 06 / 2009 của công ty CP Thép và vật tư Hải phòng.

-Nhập tại kho: Vật liệu.

STT	Tên quy cách sản phẩm hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực nhập		
1	Thép ϕ 6+ ϕ 8	Kg	590	590	7.300	4.307.000
2	Thép ϕ 10 + ϕ 16	Kg	7.565	7.565	7.900	59.763.500
	Cộng					64.070.500

Nhập, ngày 20 tháng 06 năm 2009

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(ký)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)

Biểu số 2.6

Đơn vị: Công ty CPXD& PTĐTHP

Quyển số...

Địa chỉ: Số 5- Lạch Tray- Ngô Quyền

Số: 224

PHIẾU CHI

Ngày 20 tháng 06 năm 2009

Nợ TK: 152-133

Có TK :111

Họ tên người nhận tiền: Vũ Phương Liên

Địa chỉ: Công ty Cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng

Lý do chi: Mua nguyên vật liệu

Số tiền: 67.274.025 (viết bằng chữ) : Sáu m-oi bảy triệu hai trăm bảy m-oi t- nghìn không trăm hai m-oi lăm đồng.

Kèm theo: 03 chứng từ gốc...Hoá đơn, Biên bản kiểm nghiệm vật t- , Phiếu nhập kho.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu m-oi bảy triệu, hai trăm bảy m-oi t- nghìn ,không trăm hai m-oi năm đồng.

Ngày 20 tháng 06 năm 2009

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
-------------------------------------------	---------------------------------------	----------------------------------------	--------------------------------	----------------------------------------

Khoá luận tốt nghiệp

Ví dụ:

Ngày 21/06/2009 công ty mua 10 bộ mặt nạ hàn của công ty CPXD Nam Hải An (giá mua chưa thuế GTGT 10%): 750.000đ/bộ.
Khi mua hàng kế toán sẽ nhận đ- ợc hoá đơn.

Biểu số 2.7

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số:01GTKT-3LL
BG/2009B
0025628

Ngày 21 tháng 06 năm 2009

Đơn vị bán hàng : Công ty CPXD Nam Hải An

Địa chỉ: 31- Trần Thành Ngọ- Kiến An – Hải Phòng

Số tài khoản: 2046587712

Điện thoại:.....MST: 2427.300.058

Họ tên ng- ời mua hàng: Vũ Ph- ơng Liên

Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 5- Lạch Tray - Ngô Quyền- Hải Phòng.

Số tài khoản: 321.10.00.000294

Hình thức thanh toán : Tiền Mặt. MS: 2400327469

STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 x 2
1	Mặt nạ hàn	Bộ	10	750.000	7.500.000
Cộng tiền hàng:					7.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT :		750.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					8.250.000
Số tiền viết bằng chữ: (Tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).					
Ng- ời mua hàng (Ký, ghi họ tên) Vũ Ph- ơng Liên		Ng- ời bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi họ tên) Hưng		Thủ tr- ởng đơn vị (ký, đóng dấu họ tên) Giám đốc Hà Việt Sơn	

Đơn vị: Công ty CPXD& PTĐT HP

Bộ phận:.....

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 21 tháng 06 năm 2009 Số: 92

Nợ: TK 152

Có: TK 111

Họ tên người giao hàng: Vũ Phương Liên .

Địa chỉ :Công ty cổ phần Xây dựng và PTĐT Hải Phòng -Theo hoá đơn số 0025628 Ngày 21 tháng 06 năm 2009 của công ty CPXD Nam Hải An.

-Nhập tại kho: công cụ dụng cụ.

STT	Tên quy cách sản phẩm hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực nhập		
1	Mặt nạ hàn	bộ	10	10	750.000	7.500.000
	Cộng					7.500.000

Nhập, ngày 21 tháng 06 năm 2009

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(ký)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)

2.2.2.2. Tổ chức chứng từ xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Các loại chứng từ sử dụng: là các chứng từ gốc phản ánh mục đích xuất kho bao gồm:

Phiếu xin lĩnh vật tư.

Phiếu xuất kho.

Phiếu xuất vật t- theo hạn mức .

Vật liệu trong doanh nghiệp giảm chủ yếu do xuất sử dụng cho sản xuất kinh doanh, phần còn lại có thể xuất góp vốn liên doanh...

Căn cứ vào phiếu lĩnh vật t- theo định mức (đối với những tr- ờng hợp vật liệu sử dụng th- ờng xuyên ổn định) và phiếu lĩnh vật t- không định mức (đối với những vật t- không sử dụng th- ờng xuyên) phòng kế hoạch căn cứ vào kế hoạch sản xuất và định mức sử dụng nguyên vật liệu. Đồng thời giao cho các phân x- ởng khi xuất kho, thủ kho phải căn cứ vào các loại phiếu lĩnh vật t- (trên phiếu lĩnh vật t- có ghi rõ đơn vị sử dụng, tên vật liệu, số l- ợng lĩnh và có đầy đủ chữ ký của ng- ời có trách nhiệm) và cùng với ng- ời nhận vật t- phải kiểm tra và ký xác nhận.

Hàng ngày phân x- ởng lên kế hoạch lĩnh vật t- đ- ợc xét duyệt của phòng kế hoạch sản xuất kinh doanh sau đó căn cứ vào kế hoạch lĩnh vật t- , kế toán sẽ viết phiếu xuất kho cho ng- ời lĩnh vật t- xuống lĩnh. Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho và thực lĩnh ghi số l- ợng vật t- thực lĩnh vào thẻ kho.

Phiếu xuất kho đ- ợc lập thành ba liên.

Liên 1: Phòng kế toán l- u.

Liên 2: Thủ kho sử dụng để ghi.

Liên 3: Giao cho ng- ời lĩnh vật t- .

Ví dụ:

Ngày 25/ 06 /2009 Trần Mạnh Dũng xuất 590kg Thép $\phi 6 + \phi 8$ và 7.565kg Thép $\phi 10 + \phi 16$ cho công tr- ờng phục vụ công trình Đài T- ởng Niệm. Cụ thể xuất nh- sau:

Thép $\phi 6 + \phi 8$: $590\text{kg} \times 7.300\text{đ/ kg} = 4.307.000\text{đ}$

Thép $\phi 10 + \phi 16$: $7.565\text{kg} \times 7.900\text{đ/ kg} = 59.763.500\text{đ}$

Biểu số 2.9

Công ty Cổ phần xây dựng
và PTĐT Hải Phòng

Mẫu số 02-VT

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 06 năm 2009

Số: 108

Nợ: TK621

Có :TK152

-Họ tên ng- ời nhận hàng: Trần Mạnh Dũng. Địa chỉ: Công ty cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng

-Lý do xuất kho: Xuất phục vụ cho CT Đài T- ởng Niệm.

-Xuất tại kho: Vật liệu.

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật t-	Mã số	Đơn vị tính	Số l- ợng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép $\phi 6 + \phi 8$		kg	590	590	7.300	4.307.000
2	Thép $\phi 10 + \phi 16$		kg	7.565	7.565	7.900	59.763.500
Cộng							64.070.500

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): (Sáu mươi tư triệu không trăm bảy mươi ngàn năm đồng chẵn)

Xuất, ngày 20 tháng 06 năm 2009

Thủ tr ờng đơn vị

Kế toán tr ờng

Thủ kho

Khoá luận tốt nghiệp

Ví dụ :

Ngày 26/06/2009 xuất 40.000kg xi măng PCB 30 cho Trần Minh Lâm thi công xây dựng khu trung cư Bắc Sơn. Cụ thể xuất như sau:

30.000 kg x 827,62đ/kg = 24.828.600đ

10.000 kg x 828,57đ/kg = 8.285.700đ

Trị giá xuất = 33.114.300đ

Biểu số 2.10

Công ty Cổ phần xây dựng
và PTĐT Hải Phòng

Mẫu số 02-VT

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 26 tháng 06 năm 2009

Số: 109

Nợ: TK621

Có :TK152

-Họ tên người nhận hàng: Trần Minh Lâm.

Địa chỉ: Công ty cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng

-Lý do xuất kho: Xuất phục vụ cho khu trung cư Bắc Sơn- Kiến An.

-Xuất tại kho: Vật liệu.

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật t-	Mã số	Đơn vị tính	Số l- ợng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xi măng PCB 30		kg	40.000	40.000		33.114.300
Cộng							33.114.300

Tổng số tiền (Viết bằng chữ):(Ba mươi ba triệu một trăm mười bốn ngàn ba trăm đồng chẵn.)

Xuất, ngày 26 tháng 06 năm

2009

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Thủ kho

Khoá luận tốt nghiệp

Ví dụ:

Ngày 28/06/2009 xuất 11 bộ mặt nạ hàn phục vụ thi công công trình nâng cấp, tu sửa cầu Nguyệt Áng- Kiên An- Hải Phòng. Tồn đầu kỳ : 6 bộ; Đơn giá: 745.200đ/ bộ. Cụ thể xuất như sau:

$$6 \text{ bộ} \times 745.200\text{đ/ bộ} = 4.471.200\text{đ}$$

$$5 \text{ bộ} \times 750.000\text{đ/ bộ} = 3.750.000\text{đ}$$

Vậy trị giá xuất kho 11 bộ = 8.221.200đ

Biểu số 2.11

Công ty Cổ phần xây dựng
và PTĐT Hải Phòng

Mẫu số 02-VT

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 28 tháng 06 năm 2009

Số: 110

Nợ: TK621

Có :TK153

-Họ tên người nhận hàng: Lương Hoàng Hải.

Địa chỉ: Công ty cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng

-Lý do xuất kho: Xuất phục vụ thi công nâng cấp cầu Nguyệt Áng.

-Xuất tại kho: Công cụ dụng cụ.

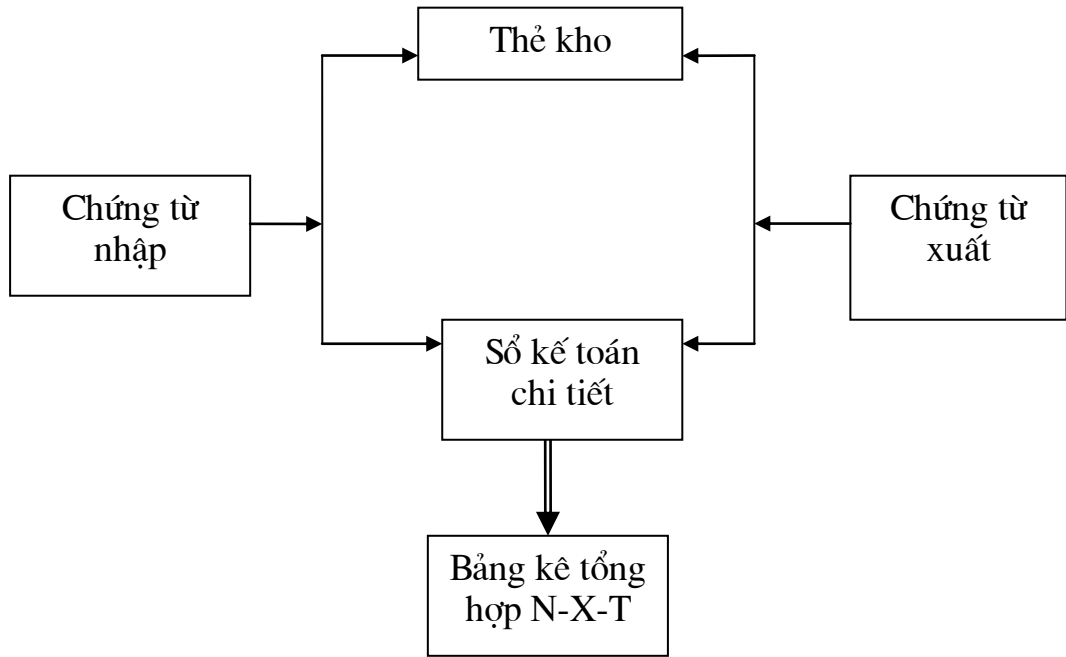
Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật t-	Mã số	Đơn vị tính	Số l- ợng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Mặt nạ hàn		Bộ	11	11		8.221.200
Cộng							8.221.200

Tổng số tiền (Viết bằng chữ):(Tám triệu hai trăm hai một ngàn hai trăm đồng chẵn.)

Xuất, ngày 28 tháng 06 năm 2009

2.2.3. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Kế toán chi tiết ở công ty Cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng sử dụng theo phương pháp thẻ song song để quản lý tình hình biến động nguyên vật liệu.



Ghi chú:

- :Ghi hàng tháng
- ==> :Ghi cuối tháng
- ←.....> :Đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần xây dựng và PTĐT Hải Phòng.

Tại kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn vật liệu, dụng cụ về mặt số lượng. Mỗi chứng từ nhập, xuất vật tư được ghi một dòng vào thẻ kho. Cuối tháng, thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập, xuất, tính ra hàng tồn kho về mặt lượng từng vật tư.

Tại phòng kế toán: Kế toán vật tư mở thẻ kế toán chi tiết vật tư cho từng vật tư tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Thẻ này có nội dung tương tự thẻ kho,

chỉ khác là theo dõi cả về mặt giá trị. Hàng ngày, hoặc định kỳ, khi nhận đ-ợc các chứng từ nhập, xuất kho do thủ kho chuyển tới, nhân viên kế toán vật t- phải kiểm tra, đối chiếu và ghi đơn giá hạch toán vào thẻ kế toán chi tiết và tính ra số tiền. Sau đó, lần l-ợt ghi các nghiệp vụ nhập, xuất vào các thẻ kế toán chi tiết vật t- có liên quan. Cuối tháng tiến hành cộng thẻ và đối chiếu với thẻ kho.

Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán phải căn cứ vào các thẻ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho về mặt giá trị của từng loại vật t- . Số liệu của bảng này đ-ợc đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

Biểu số 2.12

Đơn vị: CTCP XD& PTĐT HẢI PHÒNG
Địa chỉ : Số 5- Lạch Tray – Ngô Quyền

Mẫu số: S12-DN
(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/ 06/2009

Tờ số: 104

- Tên nhãn hiệu, quy cách vật t- : Xi măng PCB 30
- Đơn vị tính: Kg
- Mã số:

STT	Ngày tháng chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Số dư đầu kỳ:				<u>30.000</u>	
1	18/06	PN 86		Nhập Nvl của CTCP Hải Đăng		54.400			
2	26/06	PX 109		Xuất nguyên vật liệu thi công khu Trung cư Bắc Sơn			40.000		
				Cộng PS		54.400	40.000		
				Số dư cuối kỳ				<u>44.400</u>	

Biểu số 2.13

Đơn vị: CTCP XD& PTĐT HẢI PHÒNG
Địa chỉ : Số 5- Lạch Tray – Ngô Quyền

Mẫu số: S12-DN
(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/ 06/2009

Tờ số: 109

- Tên nhãn hiệu, quy cách dụng cụ: Mặt nạ hàn
- Đơn vị tính: bộ
- Mã số: MH

STT	Ngày tháng chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Số dư đầu kỳ:				<u>6</u>	
1	21/06	PN 92		Nhập Nvl của CTCPXD Nam Hải An		10			
2	28/06	PX 110		Xuất nguyên vật liệu thi công nâng cấp cầu Nguyệt Áng			11		
				Cộng PS		10	11		
				Số dư cuối kỳ				<u>5</u>	

Biểu số 2.14

CÔNG TY CPXD VÀ PT ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5- Lạch Tray - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, CÔNG CỤ(SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Tháng 6 /2009

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ(sản phẩm, hàng hoá): Xi măng PCB 30

Mã Số vật liệu, công cụ (Sản phẩm, hàng hoá): PCB

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU'	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ:		827,62					30.000	24.828.600
PN 86	18/06	Mua NVL của CTCP Hải Đăng	331	828,57	54.400	45.074.272				
									
PX109	26/06	Xuất NVL cho trung cư Bắc Sơn	621				40.000	33.114.300		
									
		Cộng Phát sinh Tháng			54.400	45.074.272	40.000	33.114.300		
		Số dư cuối kỳ:							44.400	36.788.572

Biểu số 2.15

CÔNG TY CPXD VÀ PT ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5- Lạch Tray - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S10-DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, CÔNG CỤ(SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Tháng 6 năm 2009

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ(sản phẩm, hàng hoá): Mặt nạ hàn

Mã Số vật liệu, công cụ(sản phẩm, hàng hoá): MH

Đơn vị tính: bộ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ:							6	4.471.200
PN 92	20/06	Mua 10 bộ của CTCPXD NHA	111	750.000	10	7.500.000				
									
PX 116	25/06	Xuất 11 bộ phục vụ thi công nâng cấp cầu Nguyệt Áng	621				11	8.221.200		
		Cộng Phát sinh Tháng			10	7.500.000	11	8.221.200		
		Số dư cuối kỳ:							5	3.750.000

Biểu 2.16

CÔNG TY CPXD VÀ PT ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5- Lạch Tray - Ngô Quyền - HP

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 06 năm 2009

STT	Tên vật tư	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng	
		SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT

6	Xi măng PCB30	30.000	24.828.600	54.400	45.074.272	40.000	33.114.300	44.400	36.788.572
7	Thép ø 6 + ø8	-		590	4.307.000	-		590	4.307.000
8	Thép ø 10 + ø16	-		7.565	59.763.500	-		7.565	59.763.500
...
	Tổng cộng		13.979.456.892		1.304.527.619		1.152.440.000		14.131.544.510

Ngày 30 tháng 06 năm 2009

Biểu 2.17

CÔNG TY CPXD VÀ PT ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5- Lạch Tray - Ngô Quyền - HP

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 06 năm 2009

STT	Tên vật tư	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng	
		SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT

3	Mặt nạ hàn	6	4.471.200	10	7.500.000	11	8.221.200	5	3.750.000

...
	Tổng cộng		1.785.921.200		162.629.000		128.704.128		1.819.846.072

Ngày 30 tháng 06 năm 2009

2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển Đầu tư Hải Phòng:

Hiện nay, công ty đang áp dụng kế toán tổng hợp nguyên vật liệu công cụ dụng cụ theo phương pháp Kê khai thường xuyên. Việc xác định giá vốn thực tế của vật tư, hàng hoá được tính căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho theo phương pháp Nhập trước - xuất trước (FIFO).

2.3.1. Tài khoản, sổ sách sử dụng:

2.3.1.1: Tài khoản sử dụng:

Nguyên vật liệu liên quan đến nhiều hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh, do đó bên cạnh tài khoản phản ánh nguyên vật liệu, kế toán nguyên vật liệu sử dụng rất nhiều tài khoản ở các phân hành khác nhau :

- TK 152: trong đó có 6 tài khoản cấp 2

TK 1521: Nguyên liệu, vật liệu chính

TK 1522: Vật liệu phụ

TK 1523: Nhiên liệu

TK 1524: Phụ tùng

TK 1526: Thiết bị XD/CB

TK 1528: Vật liệu khác

- TK 153: Công cụ dụng cụ

- TK 621: phản ánh chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản xuất.

- TK 642: Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

- Ngoài ra còn các TK 111; TK 112; TK 141; TK 133; TK 331...

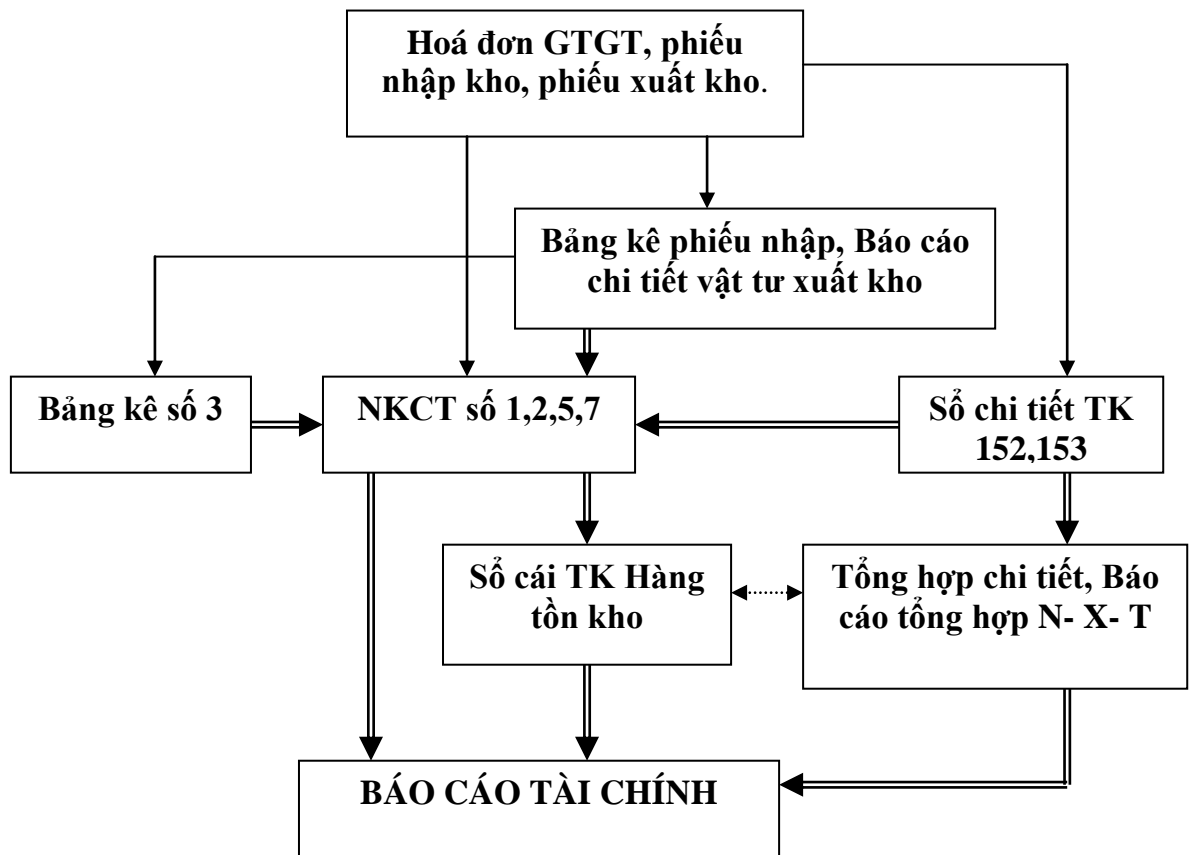
2.3.1.2. Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết TK 152,153

- Sổ cái TK 152, 153

2.3.2. Quy trình hạch toán:

Quy hạch toán hàng tồn kho tại Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng- Xí nghiệp xây dựng số 4 theo sơ đồ 2.5:



Sơ đồ 2.5: Sơ đồ quy trình hạch toán hàng tồn kho tại công ty CP XD & Phát triển đầu tư HP

- Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc(Hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho,...)lập bảng kê phiếu nhập, bảng kê phiếu xuất và các chứng từ có liên quan.
- Từ bảng kê phiếu nhập,.. kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản liên quan, Bảng kê số 3 và nhật ký chứng từ 1,2,5,7
- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào các NKCT ghi sổ cái hàng tồn kho.
- Cuối quý, tổng hợp số liệu từ NKCT và Sổ cái tài khoản vào Báo cáo tài chính.

2.3.3. Kế toán tổng hợp Nhập nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Công ty Cổ phần xây dựng và Phát triển Đầu tư Hải Phòng sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán vật liệu nói riêng và các loại hàng tồn kho nói chung.

2.3.3.1. Trường hợp mua ngoài chẵn thanh toán:

Định khoản: Nợ TK 152, 153: Giá trị NVL, CCDC thực nhập

Nợ TK 1331 : Thuế GTGT đầu vào

Có TK 331 : Tổng giá thanh toán

Đây là nghiệp vụ thường xuyên phát sinh trong giai đoạn cung cấp của công ty. Để kế toán nghiệp vụ này công ty dùng sổ chi tiết thanh toán với người bán tài khoản 331 và Nhật ký chứng từ số 5. NKCT số 5 được mở để tổng hợp tình hình thanh toán và công nợ với người cung cấp vật tư, hàng hoá. Mỗi nhà cung cấp được ghi một dòng trên NKCT số 5. Cuối tháng, kế toán khoá sổ NKCT số 5, xác định tổng số phát sinh có TK 331 đối ứng TK 152 và lấy số liệu tổng cộng này để ghi sổ cái TK 152.

Ví dụ:

Từ bảng kê nhập vật tư (biểu số 2.18). Kế toán lập Nhật ký chứng từ số 5 (biểu số 2.19) và Nhật ký chứng từ số 1 (biểu số 2.20).

Biểu 2.18

Đơn vị: Công ty CPXD và PTĐTHP
Số 5 Lạch Tray- Ngô Quyền- HP

BẢNG KÊ NHẬP VẬT TƯ
Ngày tháng 6 năm 2009

ST T	Chứng từ		Số hóa đơn		Tên vật tư	Đơn vị bán	ĐVT	SL	Ghi nợ TK			Ghi có các TK	
	SP	NT	SP	NT					152	153	133	111	331
							
6	86	18/6	0052724	18/6	Xi măng PCB30	Công ty CP Hải Đăng	kg	54.400	45.074.272		2.253.728		47.328.000
7	87	20/6	0044728	20/6	ThĐp φ6+φ8	Công ty CP thép và vật tư HP	kg	590	4.307.000		215.350	4.522.350	
					ThĐp φ10+φ12	Công ty CP thép và vật tư HP	kg	7.565	59.763.500		2.988.175	62.751.675	
...											
11	92	21/6	0025628	21/6	Mặt nạ hàn	CTCPXD Nam Hải An	bộ	10		7.500.000	750.000	8.250.000	
....				
					Cộng				692.687.400	82.646.000	36.098.500	455.806.300	355.625.600

Kế toán
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)

Biểu số 2.19

CÔNG TY CPXD VÀ PT ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5- Lạch Tray - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S04a5-DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 5
Ghi có TK: 331- Phải trả cho người bán
Tháng 6 năm 2009

STT	Tên đơn vị	Số dư đầu tháng		Ghi có TK 331, Ghi nợ các TK				Theo dõi thanh toán			Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	TK 1521	TK 133	Cộng có TK 331	TK 111	Cộng nợ TK 331	Nợ	Có
1	Công ty CP Hải Đăng		78.095.200	45.074.272	2.253.728		47.328.000					125.423.200
2	CTCP Thép và vật tư HP		92.506.200	87.052.100	4.352.605		91.404.705	26.752.200		26.752.200		157.158.705
3	Công ty CPXD Nam Hải An		156.087.512	85.147.000	4.255.350		163.891.887	58.500.000		78.500.000		108.780.000

	Cộng		336.688.912	319.527.100	23.214.288		355.625.600	85.252.200		105.275.395		654.039.117

2.3.3.2. Trờng hợp mua bằng tiền mặt:

Định khoản: Nợ TK152, 153 : Giá trị NVL, CCDC thực tế nhập

Nợ TK 1331 : Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111.. : Tổng giá thanh toán

- Nghiệp vụ mua hàng bằng tiền mặt xảy ra với tần xuất lớn, chủ yếu là thanh toán với các nhà cung cấp th- ờng xuyên. Định kỳ, 2 đến 5 ngày kế toán tiền mặt tập hợp các chứng từ (hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu chi...) để ghi vào Nhật ký chứng từ số 1. Cuối tháng kế toán tiền mặt tính ra tổng số tiền thanh toán để vào sổ cái và xác định tổng số phát sinh có TK 111 đối ứng với TK 152,153 và ghi vào sổ cái tài khoản 152,153.

Biểu số: 2.20

CÔNG TY CPXD VÀ PT ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG

Số 5- Lạch Tray - Ngô Quyền - HP

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

Ghi có Tài khoản 111-tiền mặt

Tháng 06 năm 2009

STT	Ngày	Nợ133	Nợ 141	Nợ 152	Nợ 153	Nợ 334	Nợ 6428	Cộng Có TK111
1	02/06/2009			108.025.600				108.025.600
2	03/06/2009	870.192	380.000.000				27.515.808	395.786.000
3	07/06/2009		2.560.000	201.064.200	75.146.000			278.770.200
4	17/06/2009	825.732	105.002.987				9.250.000	113.332.519
5	20/06/2009	3.203.525		64.070.500				67.274.025
6	21/06/2009	750.000			7.500.000			8.250.000
7	27/06/2009					20.116.800		20.116.800

	Cộng	5.972.599	487.562.987	373.160.300	82.646.000	20.116.800	36.765.808	994.555.144

KẾ TOÁN GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN
TỔNG HỢP

ký, họ tên)

KẾ TOÁN
TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

2.3.3.2. Trờng hợp mua bằng tiền gửi Ngân hàng

Định khoản: Nợ TK: 152, 153

Nợ TK: 1331

Có TK: 112

Nghị vụ mua hàng bằng tiền gửi ngân hàng rất ít phát sinh. Định kỳ 2 ngày, kế toán tập hợp các chứng từ để ghi vào NKCT số 2. Cuối tháng kế toán xác định tổng số phát sinh bên có TK 112 đối ứng với TK 152 để ghi vào sổ cái TK 152

2.3.3.2. Trờng hợp mua bằng tiền tạm ứng

Định khoản: Nợ TK: 152, 153

Nợ TK: 1331

Có TK: 141

Tr- ờng hợp mua ngoài thanh toán bằng tạm ứng cũng t- ờng tự nh- mua ngoài thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng hay tiền mặt. Khi tạm ứng cho nhân viên đi mua hàng, căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng, phiếu chi tiền, báo cáo quỹ... kế toán ghi sổ chi tiết TK 141. Sổ chi tiết này đ- ọc mở cho từng năm và mỗi đối t- ờng tạm ứng đ- ọc phản ánh trên một trang, mỗi nghị vụ tạm ứng đ- ọc phản ánh trên một dòng.

2.3.4. Kế toán tổng hợp Xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Nguyên vật liệu của công ty đ- ọc xuất để sản xuất sản phẩm là chủ yếu. Ngoài ra, nguyên vật liệu còn được xuất để phục vụ công tác quản lý... Các chứng từ xuất kho đ- ọc phân loại theo từng đơn đặt hàng.

Khi nhận đ- ọc các phiếu xuất kho, kế toán tiến hành kiểm tra và định khoản ngay trên phiếu xuất. Kế toán phản ánh trị giá thực tế vật liệu xuất kho vào bên có TK152, đối ứng với bên nợ TK 621, 642... Trị giá nguyên vật liệu xuất kho đ- ọc tính theo ph- ơng pháp Nhập trước xuất trước (FIFO). Kế toán căn cứ vào các phiếu xuất kho để ghi vào nhật ký chứng từ, từ đó vào sổ cái TK 152, 621, 627...

Biểu số: 2.21

Đơn vị: Công ty CPXD & PTĐT HP
Số 5 - Lạch Tray – Ngô Quyền

BẢNG KÊ XUẤT VẬT TƯ

Ngày tháng 6 năm 2009

Chứng từ		Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Ghi Nợ TK		Ghi có TK	
SP	NT					TK 152	TK 153	TK 621	TK 642
1	20/6	Thép $\phi 6+\phi 8$	kg	590	7.300	4.307.000		4.307.000	
		Thép $\phi 10+\phi 16$	kg	7.565	7.900	59.763.500		59.763.500	
2
3	26/6	Xi măng PCB 30	kg	40.000		33.114.300		33.114.300	
4							
5	28/6	Mặt nạ hàn	bộ	11			8.221.200	8.221.200	
6
		Cộng				360.778.928	57.500.000	332.670.500	85.608.428

Kế toán
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)

Biểu số 2.22

CÔNG TY CPXD VÀ PT ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5- Lạch Tray - Ngô Quyền - HP

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7

Phần I: Tập hợp chi phí sản xuất, kinh doanh toàn doanh nghiệp

STT	TK ghi có		152	153	Tổng cộng cp
	TK ghi nợ				
...
6	222	308.897.000	-	308.897.000	308.897.000
7	621	360.778.928	57.500.000	418.278.928	418.278.928
8	642	84.160.500	1.447.928	107.825.00	107.825.00
				
	Cộng A		753.836.428	58.947.928	812.784.356	812.784.356
...
11	241		398.603.572	69.756.200	468.359.772	468.359.772
	Cộng B		398.603.572	69.756.200	468.359.772	468.359.772
	Tổng (A+B)		1.152.440.000	128.704.128	2.642.895.700	2.642.895.700

Đã ghi sổ ngày..tháng.06 năm 2009

KẾ TOÁN GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KT TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.23

CÔNG TY CPXD VÀ PT ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5- Lạch Tray - Ngô Quyền - HP

BẢNG KÊ SỐ 3- TK 152, 153

Tính giá thành thực tế Nguyên liệu, vật liệu và Công cụ dụng cụ (Tk 152, 153)

Tháng 06 năm 2009

STT	Chỉ tiêu	TK 152	TK 153
1	I. Số dư đầu tháng	13.979.456.892	1.785.921.200
2	II. Số phát sinh trong tháng	-	-
3	Từ NKCT số 1(ghi có TK 111)	373.160.300	82.646.000
4	Từ NKCT số 2(ghi có TK 112)	-	-
5	Từ NKCT số 5(ghi có TK 331)	355.625.600	-
6	Từ NKCT số 6(ghi có TK 151)	-	-
7	Từ NKCT số 7(ghi có TK 152)	1.152.440.000	128.704.128
8	Từ NKCT khác (NKCT số 10)- ghi có TK411	268.862.719	80.283.000
9	III. Cộng số dư đầu tháng và PS trong tháng	14.977.105.510	2.077.554.328
10	IV. Hệ số chênh lệch		
11	V. Xuất dùng trong tháng	1.152.440.000	128.704.128
12	VI. Tồn kho cuối tháng	13.824.665.510	1.820.146.072

Lập ngày...tháng 6 năm 2009

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 2.24

CÔNG TY CPXD VÀ PT ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5- Lạch Tray - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S05-DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
12.929.177.189	

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152

TK đối ứng	Tháng 01	Tháng.....	Tháng 05	Tháng 06	...	Tháng 12	Cộng
111	582.056.000		508.712.315	373.160.300		5.816.078.750
112	108.921.250		54.524.022	-			1.005.678.210
141	12.562.200		157.219.000	-			769.887.055
331	301.520.000		358.104.260	355.625.600			2.876.025.400
411	125.600.000			268.862.719			425.887.251
412				-			
Cộng PS Nợ	1.266.979.106		1.078.559.597	997.648.619			15.530.651.427
Cộng PS Có	1.196.345.000		98.914.000	1.152.440.000			12.571.831.355
Dư nợ cuối	12.999.811.295		13.979.456.892	13.824.665.510			16.087.997.261
Dư có cuối							

Ngày..... Tháng 6 năm 2009.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN
TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.25

CÔNG TY CPXD VÀ PT ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5- Lạch Tray - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S05-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
1.608.275.200	

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 153

TK đối ứng	Tháng 01	Tháng.....	Tháng 05	Tháng 06	...	Tháng 12	Cộng
111	101.128.400		25.029.400	82.646.000		324.871.254
112	21.427.800		15.600.000	-			100.567.810
141	2.725.800			-			52.887.055
331	32.258.000		53.457.400	-			525.036.005
411	85.648.000		24.078.000	80.283.000			378.056.240
412				-			
Cộng PS Nợ	242.245.200		118.164.800	162.929.000			1.439.043.764
Cộng PS Có	90.850.000		104.914.000	128.704.128			712.041.825
Dư nợ cuối	1.759.670.400		1.785.921.200	1.820.146.072			2.135.277.139
Dư có cuối							

Ngày..... Tháng 6 năm 2009.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN
TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ Ở CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG – XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 4

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần XD và PTĐT Hải Phòng – Xí nghiệp xây dựng số 4 :

Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng – Xí nghiệp xây dựng số 4 là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng với sản phẩm chủ yếu là các công trình sản xuất dân dụng có qui mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sử dụng lâu dài và mang tính cố định. Do đó, công tác quản lý giám sát thi công là điều hết sức quan trọng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ vì nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất, có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình cũng như mỹ quan của sản phẩm. Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng của Xí nghiệp đang ngày càng được củng cố và hoàn thiện hơn, đáp ứng yêu cầu về lĩnh vực xây dựng trong nền kinh tế hiện nay.

Bộ máy kế toán của xí nghiệp được tổ chức phù hợp với trình độ và khả năng chuyên môn của từng người. Nhìn chung, công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cơ bản đã đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán mới ban hành với hệ thống sổ sách kế toán tương đối đầy đủ, chi tiết và rõ ràng.

Sau thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng – Xí nghiệp xây dựng số 4, được tìm hiểu công tác hạch toán kế toán ở công ty và đi sâu vào nghiên cứu công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ em thấy Xí nghiệp đã phát huy được nhiều mặt mạnh mẽ và thể hiện được những ưu điểm sau:

3.1.2. Ưu điểm :

➤ *Về tổ chức bộ máy kế toán xí nghiệp*

Hiện nay, Công ty cổ phần xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng – Xí nghiệp xây dựng số 4 áp dụng hình thức tổ chức kế toán tập trung. Sự thống nhất trong tổ chức bộ máy kế toán giúp cho kế toán trưởng Công ty nắm bắt được công việc của các kế toán viên và các kế toán đơn vị trực thuộc một cách kịp thời. Với 6 nhân viên kế toán, hệ thống kế toán của Xí nghiệp xây dựng số 4 được tổ chức một cách gọn nhẹ và tương đối hoàn chỉnh, công tác kế toán gần như được chuyên môn hoá cao. Các phần hành kế toán được phân công rõ ràng cho từng kế toán viên, có sự kết hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phần hành kế toán với nhau đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp ghi chép. Do đó, sổ sách kế toán dễ kiểm tra, đối chiếu, kịp thời phát hiện sai sót và sửa chữa. Đội ngũ kế toán viên năng động, sáng tạo, có kinh nghiệm. Đây là một lợi thế của xí nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán và công tác quản lý kinh tế của toàn xí nghiệp.

➤ *Về tổ chức chứng từ, tài khoản sử dụng, sổ sách kế toán áp dụng*

- Hệ thống chứng từ:

Chứng từ được tổ chức hợp lệ, đầy đủ theo chế độ của Bộ Tài chính ban hành. Việc tập hợp chứng từ ở các đội sau đó chuyển về phòng kế toán xí nghiệp theo định kỳ hàng tháng phù hợp với đặc điểm xây lắp. Công tác tập hợp, kiểm tra, lưu trữ chứng từ được dễ dàng, nhanh chóng, việc quản lý chứng từ rất chặt chẽ giúp cho lãnh đạo xí nghiệp quản lý tình hình tài chính, trách nhiệm của từng cá nhân trong từng khâu luân chuyển chứng từ được rõ ràng, cụ thể.

- Tài khoản sử dụng:

Hệ thống Tài khoản của công ty phù hợp với quy định của Bộ Tài chính ban hành. Đồng thời xí nghiệp cũng cập nhật và vận dụng kịp thời những thay

đòi trong hệ thống Tài khoản theo các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, việc mở chi tiết các Tài khoản phục vụ có hiệu quả trong việc hạch toán từng công trình, hạng mục công trình.

VD: Xí nghiệp sử dụng TK 141(3) chi tiết cho các đội thi công để theo dõi tình hình tạm ứng và hoàn ứng, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất và đặc điểm bộ máy kế toán của xí nghiệp.

- *Sổ sách kế toán*

Các loại sổ được áp dụng theo mẫu chung tạo thành sự thống nhất trong sổ kế toán. Số liệu phản ánh trong các sổ kế toán được minh chứng bằng hệ thống chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo nguyên tắc khách quan.

Ngoài hệ thống sổ theo quy định Nhật ký – Chứng từ, sổ chi tiết, sổ cái xí nghiệp còn có một số sổ phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp cũng như quản lý những đối tượng kế toán phức tạp như: Sổ theo dõi luân chuyển hàng nội bộ giữa các kho; Sổ theo dõi hàng tồn kho theo từng loại vật tư- công cụ mua, từng loại giá mua .

➤ *Về phương pháp tính giá NVL, CCDC*

Hiện nay, xí nghiệp đang áp dụng phương pháp tính giá Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho theo phương pháp Nhập trước xuất trước (phương pháp FIFO). Đây là phương pháp tỏ ra hiệu quả nhất so với các phương pháp tính giá NVL- CCDC xuất kho trong điều kiện sản xuất của Công ty. Nhất là khi giá cả vật liệu, công cụ có xu hướng tăng thì áp dụng phương pháp này công ty có mức lãi nhiều hơn so với các phương pháp khác.

➤ *Về tổ chức công tác kế toán NVL, CCDC*

Để tiến hành hạch toán tổng hợp NVL, CCDC xí nghiệp đã lựa chọn phương pháp kê khai thường xuyên. Đây là phương pháp theo dõi phản ánh thường xuyên, liên tục có hệ thống về tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu công cụ trên sổ kế toán, do đó góp phần thuận lợi cho công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

➤ *Về công tác tổ chức quản lý và sử dụng NVL, CCDC*

- Ở khâu thu mua: xí nghiệp đã tổ chức được đội ngũ cán bộ chuyên thu mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Mỗi người được phân công một số loại vật tư, công cụ nhất định nào đó. Do đó, việc quản lý chứng từ, hoá đơn về thu mua cũng rất hợp lý, thuận tiện đồng thời cung cấp đầy đủ kịp thời nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cho sản xuất đúng tiến độ, kế hoạch.

- Ở khâu dự trữ, bảo quản: xí nghiệp đã xác định lượng vật tư dự trữ nhằm vừa đảm bảo cho sản xuất, vừa không gây ứ đọng vốn kinh doanh. Hệ thống kho tàng được bố trí đầy đủ các phương án bảo vệ nghiêm ngặt khắc phục được tình trạng thất thoát NVL, CCDC.

- Ở khâu sử dụng: Nhu cầu sử dụng NVL, CCDC ở các đội đều được phòng kế toán vật tư kiểm tra, xét duyệt trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất.

3.1.3. Những tồn tại:

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu trên, trong việc hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của xí nghiệp cũng không tránh khỏi những nhược điểm mà nếu được khắc phục và hoàn thiện, thì sẽ góp phần làm cho công tác kế toán nói chung và kế toán NVL, CCDC nói riêng được tốt hơn.

➤ *Việc cập nhật chứng từ*

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, các Công ty xây dựng thường có địa bàn thi công ở các tỉnh, thành, địa phương trong cả nước với nhiều công trình, hạng mục công trình lớn nhỏ khác nhau. Do vậy, việc cập nhật chứng từ không kịp thời, gây không ít khó khăn cho phòng kế toán.

Hiện tại, Công ty CPXD và PTĐT Hải Phòng – Xí nghiệp xây dựng số 4 đang thi công xây dựng công trình khu trung cư Bắc Sơn, các hạng mục công trình thuộc dự án Nam Đình Vũ...cho nên các chứng từ ban đầu như phiếu nhập, phiếu xuất vật tư nộp phòng kế toán không đúng thời gian quy định. Thường thì công trình thi công được 2 – 3 tháng mà vẫn chưa có chi phí tập hợp,

dồn cả mấy tháng vào một kỳ. Với việc tập hợp chi phí như vậy, sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến sự chính xác, kịp thời các số liệu trên báo cáo Tài chính của Công ty. Đồng thời công việc kế toán sẽ dồn vào cuối kỳ, gây không ít khó khăn cho phòng kế toán.

➤ *Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Hàng tồn kho nói chung và NVL, CCDC nói riêng là những tài sản lưu động thường có biến động theo thời gian. Đối với xí nghiệp, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chủ yếu được mua ngoài và có trường hợp phải nhập ngoại. Do đó, giá cả ngày càng không ổn định nhất là vào năm 2009 khi nền kinh tế nước ta đang bị suy thoái. Hiện nay, xí nghiệp không tổ chức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tức là chưa đề cập đến những rủi ro có thể xảy ra do sụt giá của hàng tồn kho. Đặc biệt trong tình hình thế giới có nhiều bất ổn vì tình hình kinh tế, chính trị, chiến tranh gây ảnh hưởng đến tình hình kinh tế trong nước, biểu hiện là giá cả các mặt hàng tăng, đặc biệt là các loại hàng hoá trong lĩnh vực xây dựng như giá xăng, dầu, thép...tăng làm cho chi phí sản xuất tăng hơn so với cùng kỳ năm ngoái.

Ví dụ như vào 3/2009 do trong nước không có đủ phôi thép cung cấp cho ngành công nghiệp sản xuất thép nên phải nhập từ nước ngoài, dẫn đến giá cả thép tăng cao nhanh chóng làm cho chi phí xây dựng công trình vượt định mức đề ra kéo theo giá cả công trình tăng khiến cho không ít đơn vị chủ đầu tư không khỏi lo lắng.

➤ *Việc phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ*

Khối lượng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong xí nghiệp là rất lớn bao gồm nhiều loại. Mỗi loại đều có những tính chất, công dụng quy cách khác nhau. Do đó, việc phân loại vật liệu công cụ một cách có khoa học là rất cần thiết. Tuy nhiên, công việc này trong xí nghiệp chưa đạt được những hiệu quả như yêu cầu.

Do xí nghiệp chưa lập sổ danh điểm vật tư để sắp xếp các loại vật liệu, công cụ dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ tại công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đầu tư Hải Phòng.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ :

Trải qua quá trình phát triển và đổi mới sâu sắc theo cơ chế thị trường hơn thập kỷ qua, kế toán Việt Nam đã không ngừng được hoàn thiện và phát triển, góp phần tích cực vào việc tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế tài chính. Trong đó hạch toán kế toán góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng quản lý Tài chính quốc gia và quản trị doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sẽ giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận. Cũng như nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng với đặc điểm chi phí NVL, CCDC chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí cũng như giá thành sản phẩm xây dựng công trình. Vì vậy mà việc nghiên cứu, đưa ra các biện pháp để hoàn thiện công tác kế toán NVL, CCDC là vô cùng cần thiết và việc hoàn thiện này phải tuân theo những yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán trước hết phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để mang lại hiệu quả cao nhất.

- Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý

tại đơn vị mình, không bắt buộc phải đập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước.

- Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy các thông tin kế toán đưa ra phải chính xác kịp thời phù hợp yêu cầu, giúp cho các nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu, đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo hài hoà mối quan hệ giữa chi phí và lợi nhuận đạt được mục tiêu tối thiểu hoá chi phí, tối đa hoá lợi nhuận.

3.2.2. Một số biện pháp đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở Xí nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại xí nghiệp, tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của công ty cũng như tổ chức công tác kế toán em có một số biện pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán NVL, CCDC tại xí nghiệp. Dưới đây là một số biện pháp em xin đề xuất:

Biện pháp 1. Quy định thời gian luân chuyển chứng từ.

Hiện tại Xí nghiệp có một số công trình chứng từ ban đầu như: phiếu nhập, phiếu xuất vật tư nộp về phòng chậm, không đúng thời gian quy định dẫn đến việc công trình đã thi công xong một hai tháng mà vẫn chưa có chi phí tập hợp và đến tháng sau lại tập hợp dồn cả mấy tháng vào một kỳ. Khi xem biểu tập hợp chi phí sản xuất sẽ thấy không được hợp lý và nó cũng ảnh hưởng rất nhiều đến sự chính xác kịp thời các số liệu trên báo cáo tài chính của Xí nghiệp.

Xí nghiệp nên đưa ra quy chế với công trình thi công ở xa và có các biện pháp như: Nếu đội xây dựng không có lý do chính đáng mà không tập hợp được chi phí về Xí nghiệp thì Xí nghiệp có thể phạt hành chính theo thời gian nộp chậm để nhắc nhở các đội thực hiện tốt việc tập hợp chi phí NVL.

Biện pháp 2. Lập sổ danh điểm vật liệu, dụng cụ.

Hiện nay chủng loại NVL tại công ty rất đa dạng nên việc kiểm tra đối chiếu hạch toán, tính giá NVL gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, để thuận lợi hơn trong việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại vật liệu, công cụ một cách hệ thống và khoa học, theo em công ty nên xây dựng hệ thống sổ danh điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Sổ danh điểm vật liệu là sổ danh mục tập hợp tài liệu các loại NVL mà công ty đã và đang sử dụng. Trong sổ danh điểm vật liệu được theo dõi từng loại, từng nhóm quy cách nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ một cách chặt chẽ sẽ giúp cho công tác quản lý và hạch toán NVL ở công ty được thống nhất.

Sổ này thống nhất về tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, quy cách, đơn vị tính của từng thứ NVL. Xí nghiệp có thể xây dựng bộ mã vật liệu, công cụ mẫu sổ danh điểm vật tư sau:

SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

Ký hiệu		Tên, quy cách , chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm NVL, CCDC				
1521	Nguyên vật liệu chính				
1521 -X		Xi măng			
	1521 – XP	Xi măng Hải Phòng	Kg		
	1521 _ XH	Xi măng Hoàng Thạch	Kg		
			
1521 - T		Thép phi các loại			
	1521 _ T1	Thép ø 10	Kg		
	1521 _ T2	Thép ø 12	Kg		
			
1522	Nguyên vật liệu phụ				
1522 - S		Sơn các loại			
	1522 – S1	Sơn trắng	Lít		
	1522 _ S2	Sơn đỏ	Lít		
			
1523	Nhiên liệu				
	1523 _ 1	Dầu	Lít		
			

Biện pháp 3: Hoàn thiện về thủ tục nhập xuất kho NVL, CCDC:

Nguồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của công ty chủ yếu do mua ngoài nên khi công ty mua NVL, CCDC về thường xảy ra hai trường hợp:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua nếu dự trữ tại kho thì tiến hành thủ tục nhập kho và sau đó theo yêu cầu của sản xuất mà làm thủ tục xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

- Do nhu cầu cần NVL ngay nên NVL mua về chưa kịp nhập kho đã chuyển thẳng cho sản xuất. Trong trường hợp này, mặc dù trên thực tế là đã không nhập kho mà đã đưa vào sử dụng trong sản xuất luôn nhưng kế toán vẫn tiến hành làm thủ tục nhập kho, xuất kho (Trong thực tế là không nhập, xuất kho), nhiều khi chỉ mang tính chất hình thức, thủ tục phục vụ nhu cầu pháp lý.

Với hình thức làm như vậy sẽ bị hao phí về lao động kế toán, thủ tục rườm rà đôi khi không cần thiết. Theo em, công ty nên xem xét bỏ thủ tục nhập xuất kho NVL, CCDC vừa giảm bớt thủ tục ghi chép cho kế toán và thủ kho. Vừa phản ánh kịp thời số liệu HTK.

Trong trường hợp này, công ty chỉ cần làm thủ tục kiểm nghiệm vật tư và làm biên bản giao nhận vật tư làm căn cứ hạch toán NVL không hạch toán qua kho.

Ví dụ:

Ngày 20/06/2009 XN mua 590 kg thép $\varnothing 6+\varnothing 8$ và 7.565 kg thép $\varnothing 10+\varnothing 16$ theo HĐGTGT số 0044728. Cùng ngày 20/06/2009 xí nghiệp xuất số thép trên cho Trần Mạnh Dũng phục vụ công trình Đài tưởng niệm . Kế toán tiến hành lập Biên bản giao nhận vật tư theo biểu số 3.2 như sau:

Biểu số 3.2

Đơn vị: CTCPXD & PTĐT Hải Phòng

Địa chỉ: số 5- Lạch Tray – Ngô Quyền - Hải Phòng

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ

Ngày 20 tháng 06 năm 2009

Chúng tôi gồm:

Ông (bà): Hoàng Thị Lan- CTCP Thép và vật tư HP Người cung ứng

Ông (bà): Vũ Phương Liên- CTCPXD & PTĐT HP Người nhận

Đã tiến hành bàn giao sử dụng các loại vật tư sau đây:

STT	Quy cách chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thép ϕ 6 + ϕ 8	Kg	590
2	Thép ϕ 10 + ϕ 16	Kg	7.565

Ngày 20 tháng 06 năm 2009

Đại diện cung ứng

(ký, họ tên)

Hoàng Thị Lan

Đại diện bên nhận

(ký, họ tên)

Vũ Phương Liên

Biện pháp 4: Hoàn thiện công tác kiểm kê NVL, CCDC

Kiểm kê NVL, CCDC là công việc cần thiết để bảo vệ an toàn cho NVL, CCDC và phát hiện kịp thời những sai sót và vi phạm trong quản lý sử dụng vật liệu, công cụ.

Tuy nhiên ở công ty, việc kiểm kê NVL, CCDC chưa được diễn ra thường xuyên. Vì vậy công tác kiểm kê NVL, CCDC phải được tiến hành định kỳ, ít nhất một năm hai lần để kịp thời phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số tồn kho thực tế và số tồn trên sổ sách.

Trước khi tiến hành kiểm kê NVL, CCDC công ty cần lập hội đồng kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ gồm: nhân viên phòng vật tư và kế toán vật tư. Khi tiến hành kiểm kê phải thực hiện cân đo, đong đếm NVL bằng các dụng cụ và phương tiện thích hợp nhằm xác định được số lượng tồn kho của từng loại NVL- CCDC, đánh giá lại giá trị trên sổ kế toán và số liệu trên thực tế.

Kết thúc quá trình kiểm kê, trưởng ban kiểm kê lập biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá, xác định số chênh lệch thừa hoặc thiếu so với sổ sách và tìm nguyên nhân dẫn tới sự chênh lệch đó. Biên bản kiểm kê sẽ làm căn cứ để kế toán hạch toán kết quả kiểm kê.

Ví dụ:

Ngày 30/06/2009, công ty tiến hành kiểm kê NVL tại xí nghiệp xây dựng số 4 và lập Biên bản kiểm kê như sau:

Biểu số 3.2:

Đơn vị:

Mẫu số: 05- VT

Bộ phận:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Thời điểm kiểm kê... giờ...ngày...tháng...năm

Ban kiểm kê gồm:

Ông/BàChức vụ Đại diện..... Trưởng ban

Ông/BàChức vụ Đại diện uỷ viên

Ông/BàChức vụ Đại diện uỷ viên

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

S	Tên nhà T T	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo số		Theo		Chênh lệch				Phẩm chất		
					kế toán		kiểm kê		Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
					SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Ngày...tháng...năm...

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ kho

Trưởng ban kiểm kê

(Ý kiến giải quyết số chênh lệch

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biện pháp 5: Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Để lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, Xí nghiệp dựa vào các chuẩn mực kế toán số 02 – Hàng tồn kho.

Tài khoản sử dụng: TK 159- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Kết cấu TK 159:

Bên nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho có cuối kỳ.

Xí nghiệp nên lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các loại NVL thường tồn kho với số lượng lớn và giá cả có khả năng biến động cao như: sắt, thép, xi măng.

** Việc lập dự phòng giảm giá NVL được lập theo các điều kiện sau:*

- Việc trích lập dự phòng không vượt quá số lợi nhuận phát sinh của Công ty sau khi đã hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích từ năm trước.
- Có các bằng chứng về NVL tồn kho tại thời điểm lập báo cáo Tài chính có giá trị ghi sổ kế toán cao hơn giá thị trường.
- Đồng thời, phải lập dự phòng cho từng loại nguyên vật liệu bị giảm giá.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định một lần vào cuối niên độ kế toán trên cơ sở kiểm kê hàng tồn kho và đối chiếu giá gốc (ghi trên sổ kế toán) với giá thị trường của từng loại hàng tồn kho.

** Công thức xác định mức dự phòng giảm giá của từng loại NVL*

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng cần} \\ \text{lập của từng} \\ \text{loại NVL} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng tồn} \\ \text{kho của NVL} \\ \text{đó} \end{array} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Giá gốc của} \\ \text{một đơn vị} \\ \text{NVL} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá thị trường của} \\ \text{một đơn vị NVL} \end{array} \right\}$$

** Phương pháp lập dự phòng giảm giá đối với NVL tồn kho*

Cuối niên độ kế toán căn cứ vào mức trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá HTK)

Có TK 159: Dự phòng giảm giá HTK

Cuối niên độ sau (N+1), tính mức dự phòng cần lập, nếu:

- Mức dự phòng giảm giá HTK cuối niên độ sau cao hơn mức dự phòng giảm giá HTK đã trích lập năm trước thì số chênh lệch được lập thêm, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá HTK)

Có TK 159: Dự phòng giảm giá HTK

- Mức dự phòng giảm giá HTK cuối niên độ sau thấp hơn mức dự phòng giảm giá HTK đã trích lập năm trước thì số chênh lệch được hoàn nhập dự phòng, ghi:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá HTK

Có TK 632: Thu nhập khác

Biện pháp 6 : Ứng dụng phần mềm kế toán:

Xí nghiệp đang áp dụng hình thức Nhật ký - Chứng từ là không thuận tiện cho công tác kế toán khi công ty đã bước sang giai đoạn cổ phần, hình thức này còn có những khó khăn trong công tác ghi sổ, không thuận lợi trong công tác chuyên môn hoá công tác kế toán. Công ty nên áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Với hình thức này sẽ giúp cho công ty quản lý chặt chẽ hơn vì hình thức

tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự.

Hiện nay, khoa học công nghệ ngày càng phát triển và đóng vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực. Trong đó kế toán máy vi tính sẽ giúp cán bộ kế toán cung cấp thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ đồng thời tiết kiệm chi phí cả về thời gian và tiền bạc. Nên việc áp dụng rộng rãi kế toán máy là việc rất tiện lợi trong việc điều hành bộ máy kế toán của công ty. Trên thị trường hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán tiện ích như: Efect, E- Asplus 3.0, 3SAccounting, sasinnova 6.8,... giúp ích rất nhiều trong công việc kế toán. Do vậy công ty nên áp dụng cài đặt các chương trình đó vào công việc của mình cho công việc quản lý hữu hiệu nhất.

Biện pháp 7: Nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ, nhân viên phòng kế toán xí nghiệp.

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường thì xí nghiệp cũng phải quan tâm đến các vấn đề nhân sự:

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là trình độ tin học và các chuẩn mực kế toán mới.
- Thường xuyên kiểm tra sổ sách, đối chiếu số liệu nhằm phát hiện sai sót để chấn chỉnh kịp thời.
- Phát huy, tận dụng hết khả năng sử dụng máy vi tính mà công ty trang bị nhằm tổng hợp số liệu khoa học, rõ ràng.
- Tăng cường theo dõi, kiểm tra cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình thông qua việc thường xuyên theo dõi bảng chấm công của từng phòng ban.

- Tổ chức giờ làm việc một cách khoa học, ổn định công tác phân công nhiệm vụ cụ thể nhằm chuyên môn hoá công tác kế toán, tăng hiệu quả công việc.

- Có chính sách khen thưởng với các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc. Có chế độ thưởng phạt rõ ràng để khuyến khích tinh thần làm việc.

Biện pháp 8: Cần quan tâm và chú trọng tới công tác Kế toán quản trị Nguyên vật liệu- Công cụ dụng cụ.

Trong hoạt động kinh doanh có nhiều vấn đề tài chính nảy sinh đòi hỏi Ban lãnh đạo doanh nghiệp phải đưa ra được những quyết định tài chính đúng đắn và tổ chức thực hiện các quyết định ấy một cách kịp thời khoa học, có như vậy doanh nghiệp mới đứng vững và phát triển.

Kế toán quản trị trong kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ sẽ giúp nhà quản trị (ban lãnh đạo công ty) đưa các quyết định đúng đắn và kịp thời về việc mua sắm vật tư, công cụ dụng cụ dự trữ phục vụ cho sản xuất, việc huy động các nguồn vốn ngắn hạn, việc thanh toán, chi trả hoặc thu hồi các khoản nợ đến hạn.

Nhân viên kế toán quản trị NVL- CCDC cần phải có hiểu biết về:

- Hệ thống luật pháp, chính sách tài chính, kế toán nói chung.
- Định chế, quy chế tài chính nội bộ.
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp.

Đồng thời KTQT phải thực hiện các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện
- Kiểm tra, đánh giá
- Dự toán về hoạt động, tình hình tài chính để giúp nhà quản trị đưa ra các quyết định phù hợp, hiệu quả.

Khi ban lãnh đạo công ty có nhu cầu Kế toán quản trị nắm bắt nhu cầu thông tin quản trị tiến hành thu thập, phân tích, định tính, định lượng rồi đưa ra Báo cáo chỉ tiêu quản trị cho ban lãnh đạo công ty.

KẾT LUẬN

Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có vai trò vô cùng quan trọng trong các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây dựng nói riêng. Công việc này không mấy dễ dàng, nó phải có sự phối hợp giữa nhiều bộ phận như phòng kế toán, các kế toán đội, xí nghiệp và các kho ở các công trình... Tầm quan trọng của kế toán thể hiện ở chỗ nó là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán, cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết cho việc lập kế hoạch thu mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Việc hoàn thiện công tác kế toán là cần thiết cho mỗi doanh nghiệp. Nó sẽ tạo cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, đồng thời nó có thể giúp doanh nghiệp quản lý tốt hơn hoạt động chủ yếu của mình đảm bảo làm ăn có lãi, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, với người lao động và nâng cao đời sống công nhân viên.

Trong thời gian thực tập ở công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng- Xí nghiệp xây dựng số 4, em đã học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm của việc hạch toán kế toán từ các anh chị, từ những thế hệ đi trước em thấy mình cần phải học hỏi nhiều hơn nữa để tích lũy những kiến thức cần thiết cho công việc sau này của mình.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của Ths. Phạm Thị Nga và sự quan tâm giúp đỡ tận tình của anh chị kế toán trong công ty đã giúp em hoàn thành báo cáo này. Em rất mong các thầy cô cùng các bạn đóng góp ý kiến để bản báo cáo của em được hoàn chỉnh hơn và đạt kết quả tốt.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 16 tháng 06 .năm 2009

Sinh viên:

Phạm Thị Lan Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán Doanh nghiệp - Quyển 1 : Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản Tài chính năm 2006.
2. Chế độ kế toán Doanh nghiệp - Quyển 2 : Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán – Nhà xuất bản Tài chính năm 2006.
3. Tài liệu thực tế của Công ty CPXD & PTĐT Hải Phòng- XN XD số 4.
4. Giáo trình các môn: Phân tích hoạt động kinh tế ; Quản trị tài chính doanh nghiệp; Kế toán quản trị.
5. Tạp chí chuyên ngành Xây Dựng.